

LienVietPostBank

NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



LienVietPostBank
NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT



VIETNAM POST
BƯU CHÍNH VIỆT NAM

HAI THƯƠNG HIỆU - TRIỆU GIÁ TRỊ

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04-05
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	06
Chiến lược và Triết lý kinh doanh	07
Mô hình tổ chức	09
Ban Lãnh đạo Ngân hàng	10-13
10 sự kiện tiêu biểu	14-15
Giải thưởng và sự công nhận	16-17
Báo cáo hoạt động ngân hàng	
. Báo cáo kết quả kinh doanh	20-23
. Hoạt động Thanh toán Quốc tế	24
. Hoạt động Đầu tư & Hợp tác Quốc tế	25
. Hoạt động Phát triển Mạng lưới	26
. Hoạt động Tiết kiệm Bưu điện khi trở thành thành viên của LienVietPostBank	27
. Hoạt động Nhân sự & Đào tạo	28-29
. Hoạt động Thương hiệu	30
. Hoạt động Công nghệ Thông tin	31
. Các sản phẩm dịch vụ tiêu biểu của Ngân hàng	32-34
. Hoạt động Quản trị rủi ro	35-36
. Hoạt động từ thiện, xã hội tiêu biểu	37
Định hướng phát triển 2012	38
Báo cáo tài chính	39-75



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt!

Năm 2011 đã khép lại một năm với nhiều biến động và thách thức với nền kinh tế và ngành ngân hàng. Vượt qua những khó khăn chung của môi trường kinh doanh, với những định hướng và quyết sách linh hoạt và quyết liệt của Hội đồng Quản trị, cùng với sự quyết tâm và nỗ lực của toàn thể Lãnh đạo và Cán bộ nhân viên, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tiếp tục ghi dấu một năm thành công trên nhiều phương diện.

Là một ngân hàng có tuổi đời còn non trẻ, được thành lập vào ngày

28/03/2008, đến ngày 01/07/2011, Ngân hàng Liên Việt đã trở thành ngân hàng đi tiên phong trong việc tái cấu trúc các tổ chức tài chính - ngân hàng theo định hướng của Chính phủ với sự kiện Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt để chuyển Ngân hàng Liên Việt thành Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Với sự hợp tác này, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã trở thành Ngân hàng thương mại cổ phần có số lượng điểm giao dịch lớn nhất nước, khai thác trên 10.000 điểm giao dịch thông qua mạng lưới các điểm bưu cục, bưu điện văn hóa xã phủ

khắp cả nước của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam. Đây chính là bước tiến mang ý nghĩa chiến lược của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, nhằm hướng tới mục tiêu trở thành “Ngân hàng của mọi người”, Ngân hàng bán lẻ hàng đầu của Việt Nam.

Kết thúc năm 2011, sau hơn 03 năm hoạt động, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tái cấu trúc lại hệ thống tổ chức quản lý, xây dựng hoàn chỉnh các quy chế, quy trình hoạt động và đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau: Vốn điều lệ hiện tại là 6.460 tỷ đồng, tổng tài sản đạt gần 60.000 tỷ đồng, lợi nhuận đạt gần 1.100 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức cho Cổ đông luôn được đảm bảo và năm sau nâng cao hơn so với năm trước.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kết thúc năm 2011, sau hơn 03 năm hoạt động, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tái cấu trúc lại hệ thống tổ chức quản lý, xây dựng hoàn chỉnh các quy chế, quy trình hoạt động và đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau: Vốn điều lệ hiện tại là **6.460 tỷ đồng**, tổng tài sản đạt gần **60.000 tỷ đồng**, lợi nhuận đạt gần **1.100 tỷ đồng**, tỷ lệ chia cổ tức cho Cổ đông luôn được đảm bảo và năm sau nâng cao hơn so với năm trước.

Để đạt được những thành quả trên chính là nhờ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã luôn nhận được sự ủng hộ và quan tâm của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ ngành; sự quan tâm và hợp tác của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam; sự tin tưởng và gắn bó của các Quý Cổ đông, Khách hàng; và sự cố gắng không ngừng của tập thể Lãnh đạo và Cán bộ nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Bước sang năm 2012, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có những tín hiệu tích cực, nhưng vẫn tồn tại nhiều khó khăn. Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tin tưởng rằng, với nền tảng đã được

tạo dựng; với một tập thể Lãnh đạo vững mạnh và đội ngũ Cán bộ nhân viên năng động, sáng tạo, đoàn kết; với sự ủng hộ của Quý Cổ đông, Khách hàng, các Nhà đầu tư và của các Cơ quan quản lý Nhà nước, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt nhất định sẽ tiếp tục duy trì và gặt hái thêm những thành công mới, đồng thời để hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu của Việt Nam trong vòng 5 – 10 năm tới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ ngành; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam; các Quý Cổ đông, Khách hàng; và toàn thể Lãnh đạo

và Cán bộ nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tin tưởng, ủng hộ, luôn đồng hành và góp phần làm nên thành công của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Xin trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DƯƠNG CÔNG MINH

> TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tâm nhìn

Trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam - Ngân hàng của mọi người.

Sứ mệnh

Cung cấp cho Khách hàng và Xã hội các sản phẩm, dịch vụ đa dạng với chất lượng cao; Mang lại lợi ích cao nhất cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và Xã hội.

Giá trị cốt lõi

KỶ CƯƠNG, SÁNG TẠO, NHÂN BẢN

Nhằm tập trung trí tuệ và sức mạnh của tập thể Lãnh đạo và Cán bộ, Nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, phấn đấu cho những mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của Ngân hàng, những người Lãnh đạo cao nhất của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã ý thức sâu sắc phải xây dựng, không ngừng hoàn thiện, phát huy bản sắc văn hóa Ngân hàng Bưu điện Liên Việt làm nền tảng và động lực cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt ***phát triển liên tục, hiệu quả, bền vững và trường tồn.***

> CHIẾN LƯỢC VÀ TRIẾT LÝ KINH DOANH



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Bán lẻ - Dịch vụ - Kinh doanh đa năng.

TRIẾT LÝ KINH DOANH:

❖ 3 điều hướng tâm của LienVietPostBank:

- Không có con người, dự án vô ích;
- Không có khách hàng, Ngân hàng vô ích;
- Không có Tâm - Tín - Tài - Tầm, LienVietPostBank vô ích.

❖ **Cổ đông:** Là nền tảng của Ngân hàng.

❖ **Khách hàng:** Là ân nhân của Ngân hàng.

❖ **Người lao động:** Là sức mạnh của Ngân hàng.

❖ **Đối tác:** Là bằng hữu của Ngân hàng.

❖ **Sản phẩm, dịch vụ:** Không ngừng đổi mới, phục vụ những sản phẩm khách hàng cần chứ không phải sản phẩm Ngân hàng có.

❖ **Ý thức kinh doanh:** Thượng tôn Pháp luật; gắn Xã hội trong kinh doanh.

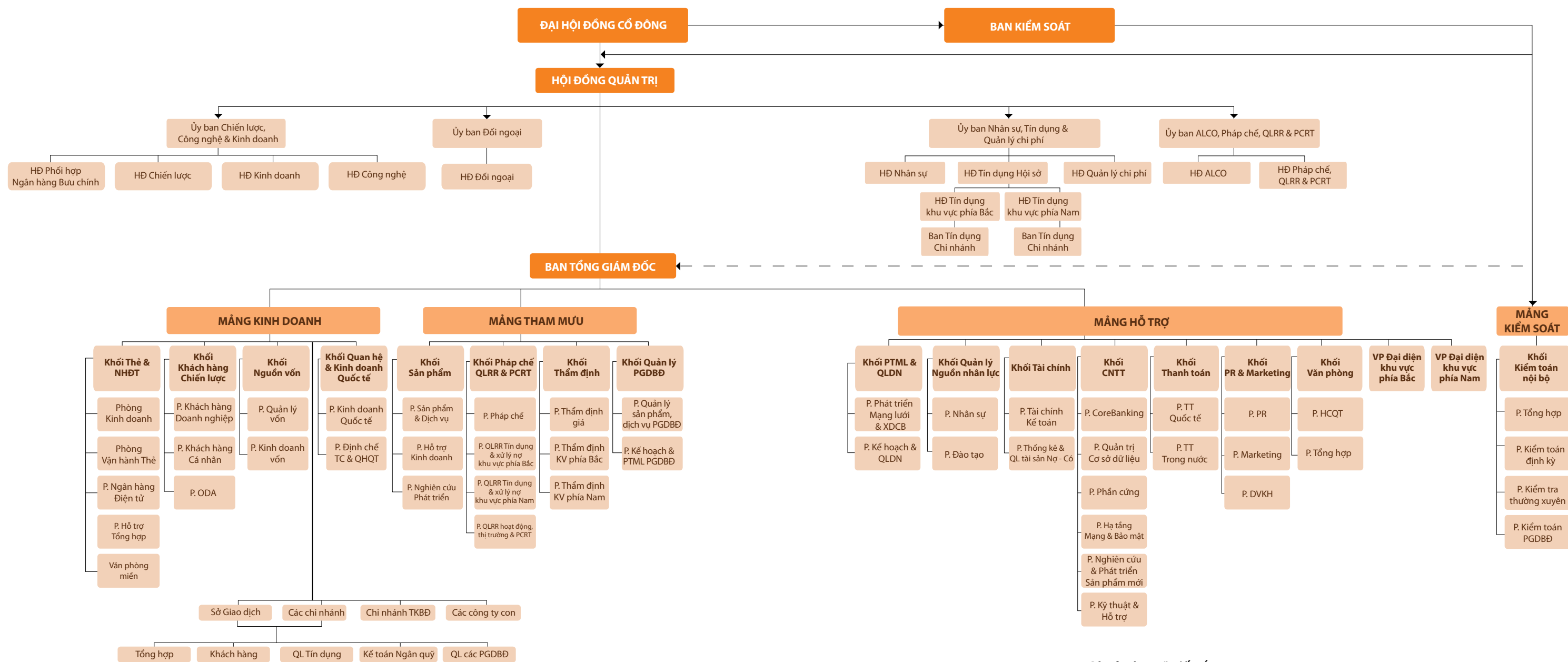
A low-angle, upward-looking photograph of several modern skyscrapers. The buildings are constructed with light-colored stone or concrete and feature large glass windows. The perspective makes the buildings appear to converge towards the top of the frame. The sky is a clear, vibrant blue. The text 'LienVietPostBank' is centered in the upper half of the image, and the tagline 'Liên kết Phát triển' is centered below it.

LienVietPostBank

Liên kết Phát triển

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt



Các thuật ngữ viết tắt:

- CNTT: Công nghệ Thông tin
- DVKH: Dịch vụ khách hàng
- HCQT: Hành chính Quản trị
- HD: Hội đồng
- NHĐT: Ngân hàng Điện tử
- KV: Khu vực
- NH: Ngân hàng
- P: Phòng
- PCRT: Phòng chống rửa tiền
- PGDBĐ: Phòng Giao dịch Bưu điện
- PTML: Phát triển mạng lưới
- PR: Quan hệ Công chúng
- QL: Quản lý
- QHQT: Quan hệ Quốc tế
- QLDN: Quản lý doanh nghiệp
- QLRR: Quản lý rủi ro
- TC: Tài chính
- TKBD: Tiết kiệm Bưu điện
- TT: Thanh toán
- VP: Văn phòng
- XD CB: Xây dựng cơ bản



ÔNG DƯƠNG CÔNG MINH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Ủy ban Chiến lược, Công nghệ
và Kinh doanh

Cử nhân Kinh tế năm 1984 (chuyên ngành Vật giá
 Đại học Kinh tế Kế hoạch – nay là Đại học Kinh tế Quốc dân)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN ĐỨC HƯỞNG

Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Ủy ban ALCO, Pháp chế,
Quản lý rủi ro & Phòng, chống
rửa tiền

Tiến sỹ Kinh tế năm 2009 (chuyên
 ngành Tài chính Lưu thông tiền tệ)
 Học viện Ngân hàng

*Ông Nguyễn Đức Hưởng có 30 năm
 kinh nghiệm trong lĩnh vực
 Tài chính Ngân hàng*



ÔNG TRẦN VIỆT TRUNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại

Cử nhân chuyên ngành Toán năm 1981,
 Đại học Tổng hợp Budapest Hungary

Cử nhân Quản trị Kinh doanh năm 1996,
 Trường Quản trị Kinh doanh Amos Tuck
 thuộc Đại học Dartmouth, Hoa Kỳ



ÔNG NGUYỄN ĐỨC CỬ

Thành viên Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Ủy ban Nhân sự,
Tín dụng và Quản lý Chi phí

Cử nhân Kinh tế Thương mại năm 1978,
 Đại học Thương nghiệp - nay là Đại học
 Thương mại



ÔNG NGUYỄN VĂN HUYNH

Thành viên Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Tín dụng khu vực
phía Nam

Cử nhân Kinh tế năm 1978,
 Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

*Ông Nguyễn Văn Huynh có 17 năm
 kinh nghiệm trong lĩnh vực
 Tài chính Ngân hàng*



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THẮNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Công nghệ

Cử nhân Kinh tế năm 1979 (chuyên
 ngành Xử lý thông tin kinh tế bằng máy
 tính điện tử, Khoa Toán kinh tế)
 Đại học Kinh tế Kế hoạch - nay là Đại học
 Kinh tế Quốc dân



ÔNG ĐỖ NGỌC BÌNH

Thành viên Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng phối hợp
Ngân hàng - Bưu chính

Cử nhân Pháp văn năm 1980
 Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ

Kỹ sư Khai thác Bưu điện năm 1986
 Đại học Kỹ thuật Thông tin liên lạc

*Ông Đỗ Ngọc Bình trở thành Thành viên HĐQT
 Ngân hàng Bưu điện Liên Việt sau khi Tổng công
 Bưu chính Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng
 Liên Việt bằng giá trị công ty Dịch vụ Tiết kiệm
 Bưu điện và bằng tiền mặt.*

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG PHẠM DOÃN SƠN

Trưởng Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) Trường Đại học Impac Hoa Kỳ

Cử nhân Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính)

Ông Phạm Doãn Sơn đã có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG CƯỜNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Kế toán các ngành)
Đại học Tài chính Kế toán TP. Hồ Chí Minh
nay là Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn Hùng Cường đã có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán.



ÔNG TRẦN THANH TÙNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Tài chính Ngân hàng)
Học viện Ngân hàng.

Ông Trần Thanh Tùng đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng



BÀ NGUYỄN THỊ LIÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Ngân hàng)
Trường cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng cơ sở 2 – nay là Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Liên đã có 44 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Hồ Nam Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối PR&Marketing
Phụ trách Khối Sản phẩm
Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng

*Ông Hồ Nam Tiến đã có 19 năm
kinh nghiệm trong lĩnh vực
Tài chính Ngân hàng*



Bà Nguyễn Thu Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Khách hàng Chiến lược
Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

*Bà Nguyễn Thu Hoa đã có
10 năm kinh nghiệm trong
lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*



Ông Tô Văn Chánh
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách khu vực Đông Nam Bộ
Cử nhân Kinh tế
Cử nhân Chính trị

*Ông Tô Văn Chánh đã có
35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Tài chính Ngân hàng*



Ông Đoàn Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Pháp chế, Quản lý
rủi ro và Phòng chống rửa tiền
Tiến sỹ ngành Tài chính - Lưu thông
- Tiền tệ

*Ông Đoàn Văn Thắng đã có 25 năm
kinh nghiệm trong lĩnh vực
Tài chính Ngân hàng*



Bà Nguyễn Thị Bích Lộc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Phát triển Mạng lưới và
Quản lý Doanh nghiệp
Phụ trách Khối Quản lý Nguồn Nhân lực

*Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Cử nhân Tiếng Nga và Tiếng Anh
Cử nhân Tài chính Ngân hàng*

*Bà Nguyễn Thị Bích Lộc đã có 16 năm kinh
nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*



Ông Nghiêm Sỹ Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
Kỹ sư Công nghệ Thông tin,
Đại học Đà Lạt

*Ông Nghiêm Sỹ Thắng đã có 12 năm
kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ
thông tin và 8 năm kinh nghiệm trong
lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*

ÔNG LÊ HỒNG PHONG

Tổng Giám đốc
Tiến sỹ Kinh tế

Cử nhân Luật

*Ông Lê Hồng Phong đã có 26 năm kinh nghiệm
trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*



Bà Nguyễn Thị Gấm

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Giám đốc Khối Tài chính
Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính kiểm soát
Cử nhân Kinh tế
Cử nhân Luật

*Bà Nguyễn Thị Gấm đã có 19 năm kinh nghiệm
trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*



Bà Nguyễn Ánh Vân

Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Nguồn vốn
Thạc sỹ chuyên ngành
Tài chính Ngân hàng
Cử nhân Luật – chuyên ngành Luật Quốc tế

*Bà Nguyễn Ánh Vân đã có 17 năm kinh nghiệm
trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng*



Ông Nguyễn Văn Gấm

Phó Tổng Giám đốc
Kỹ sư cơ điện
Chuyên ngành Tự động hoá Bưu chính

*Ông Nguyễn Văn Gấm được bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc LienVietPostBank sau
khi Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp
vốn vào Ngân hàng.*



Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn

Phó Tổng Giám đốc
**Giám đốc Khối Quan hệ
và Kinh doanh Quốc tế**
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Cử nhân Kinh tế

*Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn đã có 7
năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Tài chính Ngân hàng*



Ông Vũ Quốc Khánh

Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Thẩm định
Cử nhân chuyên ngành
Quản trị Kinh doanh

*Ông Vũ Quốc Khánh đã có 10 năm
kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính
Ngân hàng*

Diễn đàn M&A Việt Nam 2011 Vietnam M&A Forum 2011

White Palace, TP. Hồ Chí Minh
Ngày 09/6/2011 | June 9th 2011



10

Sự kiện tiêu biểu

01 Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đoạt Giải thưởng thương vụ M&A tiêu biểu của Việt Nam năm 2011, là Ngân hàng đi đầu trong việc tái cấu trúc hoạt động Ngân hàng thương mại

Trong năm 2011, Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã đồng ý chấp thuận cho Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (Vietnam Post) góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Liên Việt (tiền thân của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt) bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (VPSC) và bằng tiền mặt, đồng thời cho phép Ngân hàng TMCP Liên Việt đổi tên thành Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank). Việc góp vốn này được đánh giá là sự kiện gắn kết giữa 2 thương hiệu lớn: Vietnam Post, vốn được xây dựng tốt trong 66 năm qua, và thương hiệu Ngân hàng Liên Việt, dù gia nhập ngành ngân hàng mới được hơn 3 năm nhưng có tốc độ phủ rộng nhận diện thương hiệu rất cao. Đây cũng được coi là sự kiện đánh dấu bước chuyển mình quan trọng và bước phát triển nhảy vọt của LienVietPostBank nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành "Ngân hàng của mọi người". Sự kiện góp vốn của Vietnam Post vào LienVietBank cũng được Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập Doanh nghiệp (M&A) Việt Nam lần thứ ba do Báo Đầu tư và Công ty AVM Vietnam trao giải Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất Việt Nam 2010 – 2011.

02 Mạng lưới cung cấp dịch vụ trên 10.000 điểm giao dịch.

Mạng lưới cung cấp dịch vụ trên 10.000 điểm giao dịch

trong hệ thống bưu cục và điểm văn hóa xã phủ khắp 63 tỉnh thành trong cả nước là kết quả lớn nhất của việc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt bằng giá trị VPSC và bằng tiền mặt. Việc này đã đưa LienVietPostBank cùng với Agribank trở thành ngân hàng thương mại có hệ thống mạng lưới lớn nhất trong cả nước.

03 Lợi nhuận năm 2011 đạt gần 1.100 tỷ đồng và tổng tài sản đạt gần 60.000 tỷ đồng.

Là một ngân hàng thương mại cổ phần "sinh sau đẻ muộn", nhưng sau hơn 3 năm hoạt động, tổng tài sản LienVietPostBank tăng gần 9 lần, vốn điều lệ tăng gần gấp đôi và tổng lợi nhuận lũy kế qua 3 năm đạt gần 3.000 tỷ đồng. Đặc biệt, riêng trong năm 2011, lợi nhuận LienVietPostBank đã đạt con số gần 1.100 tỷ đồng và tổng tài sản đạt gần 60.000 tỷ đồng.

04 LienVietPostBank thực hiện chính sách Tam Nông của Đảng và Chính phủ – Giảm 1% lãi suất cho nông dân.

LienVietPostBank đã tiếp tục thực hiện chính sách cho vay ưu đãi các doanh nghiệp, cá nhân trong lĩnh vực Nông nghiệp - Nông thôn (NNNT), giảm 1% lãi suất tiền vay cho nông dân (so với các ngân hàng thương mại khác) và đã nâng tỷ trọng cho vay NNNT năm 2011 đạt trên 40% tổng dư nợ cả năm 2011 của LienVietPostBank, góp phần thực hiện chính sách mở rộng tín dụng NNNT của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.



05 LienVietPostBank trở thành Ngân hàng TMCP (NHTM cổ phần) đầu tiên được lựa chọn làm Ngân hàng phục vụ giải ngân nguồn vốn ODA.

LienVietPostBank là NHTM cổ phần đầu tiên được lựa chọn làm Ngân hàng phục vụ giải ngân nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đáp ứng đầy đủ các tiêu chí được đề ra rất khắt khe của 02 nhà tài trợ lớn là Ngân hàng Thế giới (WorldBank), Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB) và các thủ tục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

06 LienVietPostBank tham gia Chương trình Tài trợ Thương mại toàn cầu (GTFP) của IFC (một thành viên của Ngân hàng Thế giới).

LienVietPostBank tham gia Chương trình Tài trợ Thương mại toàn cầu (GTFP) của IFC (một thành viên của Ngân hàng Thế giới). Với chương trình này, LienVietPostBank có cơ hội hợp tác với hơn 400 ngân hàng lớn trong khu vực và trên thế giới đồng thời mở rộng khả năng tài trợ cho khách hàng hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

07 Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Thanh toán Quốc tế xuất sắc năm 2011.

"Ngân hàng cung cấp dịch vụ Thanh toán Quốc tế xuất sắc năm 2011", do Ngân hàng Wells Fargo, ngân hàng lớn thứ ba tại Mỹ trao tặng, là giải thưởng dành cho các ngân hàng đạt được độ chuyên nghiệp trong việc thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và chuyển tiền quốc tế thể hiện ở tính tự động cao, cho phép tiết giảm thời gian chuyển tiền và chi phí của khách hàng.

08 Thẻ Liên kết Phát triển tham gia Liên minh Thẻ SmartLink.

LienVietPostBank chính thức trở thành thành viên thứ 31 của Liên minh Thẻ Smartlink kể từ ngày 30/9/2011. Theo đó, hệ thống ATM của LienVietPostBank đã được hợp nhất vào mạng lưới ATM chung của Smartlink. Thông qua việc kết nối với hệ thống chuyển mạch thẻ quy mô

hàng đầu Việt Nam, trong tương lai hệ thống ATM của LienVietPostBank có thể thực hiện dễ dàng, nhanh chóng các giao dịch như rút tiền mặt, thanh toán dịch vụ, xem số dư tài khoản, in sao kê... tại 16.600 máy ATM của các liên minh thẻ, chiếm 98% lượng máy ATM hiện có trên thị trường Việt Nam.

09 LienVietPostBank khởi xướng thành lập Quỹ Khuyến học, Khuyến tài tại các tỉnh, thành phố.

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị của LienVietPostBank đã quyết định thành lập và tài trợ cho Quỹ Khuyến học, Khuyến tài tại một số tỉnh thành phố với mong muốn góp phần vào công tác khuyến học – khuyến tài của các tỉnh, thành phố làm tỏa sáng những tài năng của quê hương.

Các Quỹ Khuyến học, Khuyến tài đã được thành lập như: Quỹ Khuyến học Phạm Văn Trà (Bắc Ninh), Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Đất tổ (Phú Thọ), Quỹ Khuyến học Lương Thế Vinh (Nam Định), Quỹ Khuyến học Chu Văn An (Hà Nội), Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Nguyễn Đan Quế (Thanh Hóa).

Tính đến thời điểm 31/12/2011, tổng tài trợ cho các Quỹ Khuyến học, Khuyến tài của LienVietPostBank đã đạt gần 16 tỷ đồng.

10 LienVietPostBank xếp thứ 87 trong tổng số 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam trên bảng xếp hạng VNR 500.

LienVietPostBank xếp thứ 87 trong tổng số 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (VietNam Report) kết hợp với Báo điện tử VietNamNet tổ chức. Đây là năm thứ 5 liên tiếp, Bảng xếp hạng VNR500 được chính thức công bố để ghi nhận và tôn vinh những thành quả mà Cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam đạt được, là mốc son đánh dấu sự đồng hành của các doanh nghiệp VNR500 trong sự lớn mạnh của Bảng xếp hạng VNR500, ghi nhận khách quan thứ hạng và thành tích của các Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

GIẢI THƯỞNG VÀ SỰ CÔNG NHẬN



- ✧ “Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Thanh toán Quốc tế xuất sắc năm 2011”, do Ngân hàng Wells Fargo trao tặng
- ✧ Chứng nhận và Cup Giải thưởng thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu nhất Việt Nam năm 2010 - 2011 cho thương vụ Ngân hàng Liên Việt và Tiết kiệm Bưu điện
- ✧ Chứng nhận LienVietPostBank là 1 trong 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- ✧ Bằng khen thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2006 - 2010
- ✧ Thành tích đầu tư - xã hội hóa sự nghiệp Y tế - Văn hóa Giáo dục huyện Cẩm Khê, Phú Thọ
- ✧ Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác ủng hộ vật chất cho sự nghiệp giáo dục tỉnh Kon Tum
- ✧ Bằng khen Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đồng hành cùng Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự SEA Games 26.





Điểm nhấn của năm

Việc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (Vietnam Post) chính thức góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt là một trong các sự kiện lớn nhất của Ngân hàng năm 2011, có tác động toàn diện đối với Ngân hàng.

Ngày 28/3/2010 tại Thành phố Đà Nẵng, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Liên Việt đã thông qua chủ trương Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam - thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) - góp vốn vào Ngân hàng Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt.

Đến ngày 21/02/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 244/TTg – ĐMDN đồng ý việc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam tham gia góp vốn vào Ngân hàng Liên Việt bằng giá trị VPSC và bằng tiền mặt, đồng thời cũng chấp thuận cho Ngân hàng đổi tên thành Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Đến Quý III năm 2011, Ngân hàng đã hoàn thành thủ tục sáp nhập VPSC vào Ngân hàng và bước đầu tiến hành việc tiếp nhận vốn góp của Vietnam Post. Sự kiện này đưa tới những thay đổi quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng.

1. Đổi tên: Ngân hàng TMCP Liên Việt (LienVietBank) đổi tên thành Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, đánh dấu sự ra đời mô hình ngân hàng bưu điện đầu tiên của Việt Nam. Việc đổi tên cũng nằm trong kỳ vọng của Ban Lãnh đạo Ngân hàng là “Hai thương hiệu, triệu giá trị”: Sự kết hợp 2 thương hiệu danh tiếng (Bưu điện và Liên Việt) tạo ra sức mạnh cộng hưởng có tác động đến đông đảo khách hàng.

2. Tăng vốn điều lệ của Ngân hàng: Thông qua việc Vietnam Post góp vốn vào Ngân hàng bằng giá trị của VPSC và bằng tiền mặt, vốn điều lệ của Ngân hàng đã tăng từ 5.650 tỷ đồng lên 6.460 tỷ đồng vào ngày 06/01/2012. Đồng thời, Vietnam Post cũng đã trở thành một trong các cổ đông chủ chốt của Ngân hàng (cùng với Công ty Cổ phần Him Lam, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn và Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất).



3. Tăng quy mô Tổng tài sản của Ngân hàng: Hệ thống Tiết kiệm Bưu điện do VPSC trực tiếp quản lý và khai thác đã đóng góp 7.000 tỷ đồng vào nguồn tiền gửi của LienVietPostBank, góp phần tăng Tổng tài sản của Ngân hàng lên 56.132 tỷ đồng đến thời điểm 31/12/2011. LienVietPostBank kế thừa toàn bộ hệ thống nhân sự, tài sản của VPSC và các quyền lợi, nghĩa vụ của VPSC đối với trên 400.000 khách hàng gửi tiền vào hệ thống Tiết kiệm Bưu điện.

4. Định hướng hoạt động: Nền tảng pháp lý của việc góp vốn là Ngân hàng đã ký kết cùng với VNPT Hợp đồng khung về hợp tác chiến lược giữa VNPT và LienVietBank và ký kết với Vietnam Post Hợp đồng hợp tác kinh doanh với thời hạn 50 năm. Theo đó, LienVietPostBank được quyền cung ứng các dịch vụ Tài chính Ngân hàng khác trên kênh phân phối của Vietnam Post. Chiến lược hoạt động của LienVietPostBank hiện nay là trở thành

một ngân hàng bán lẻ có quy mô hàng đầu tại thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam, một **“Ngân hàng của mọi người”**.

5. Mở rộng mạng lưới: Thông qua việc góp vốn hợp tác kinh doanh với Vietnam Post, LienVietPostBank đã kế thừa và tiếp tục khai thác mạng lưới Tiết kiệm Bưu điện đã được phát triển trên 10 năm. LienVietPostBank còn có tiềm năng cung cấp dịch vụ Tài chính Ngân hàng hiện đại trên hệ thống 10.000 điểm giao dịch Bưu điện trực thuộc Vietnam Post, hiện diện trên toàn bộ 63 tỉnh/thành và trên 10.000 phường xã tại Việt Nam. Như vậy, cùng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, LienVietPostBank trở thành ngân hàng có mạng lưới lớn nhất tại Việt Nam.

Trong năm 2012 và những năm tiếp theo, LienVietPostBank và Vietnam Post sẽ hợp tác trên nhiều lĩnh vực để gia tăng lợi ích của cả 2 bên.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH & MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: tỷ đồng

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2008	2009	2010	2011
Tổng tài sản	7.453	17.367	34.985	56.132
Vốn chủ sở hữu	3.447	3.828	4.105	6.594
Trong đó: Vốn điều lệ	3.300	3.650	3.650	6.010
Tổng huy động vốn	3.801	13.399	30.421	48.148
Tổng dư nợ tín dụng	2.674	5.983	10.114	12.757
Lợi nhuận thuần từ Hoạt động kinh doanh trước trích dự phòng rủi ro tín dụng	449	569	816	1.161
Lợi nhuận trước thuế	444	540	759	1.086
Lợi nhuận sau thuế	444	540	682	977

Đơn vị tính: %

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN	2008	2009	2010	2011
Tỷ lệ LNST / TTS bình quân (ROAA)	5,96	4,35	2,61	2,14
Tỷ lệ LNST / VCSH bình quân (ROAE)	12,88	14,85	17,22	18,26
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	0,00	0,28	0,42	2,14
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/năm)	9,00	13,00	15,00	15,00

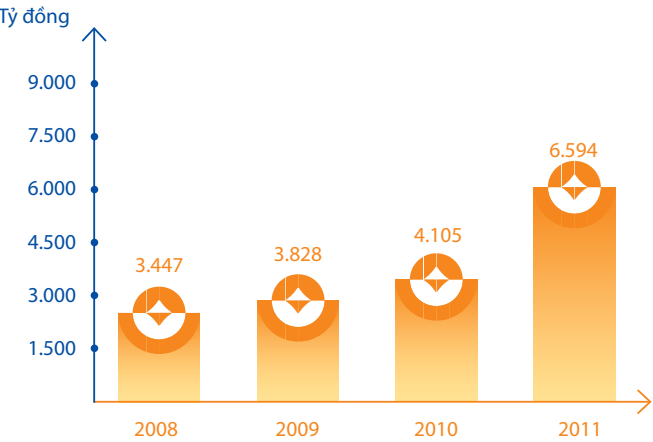
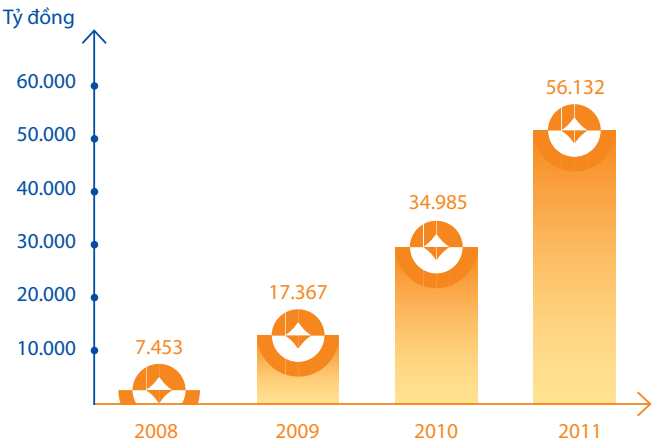
Ghi chú: Số liệu được lấy theo Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán của các năm.

Tổng tài sản

Đến thời điểm 31/12/2011, Tổng tài sản của LienVietPostBank đạt 56.132 tỷ đồng, tăng 60% tương đương với 22.147 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2010. Sau gần 04 năm hoạt động, Tổng tài sản của LienVietPostBank đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đạt vào nhóm các Ngân hàng có mức tăng trưởng tổng tài sản cao. Đến nay, LienVietPostBank đã sẵn sàng bứt phá để trở thành Ngân hàng trong top 10 Ngân hàng TMCP lớn tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu

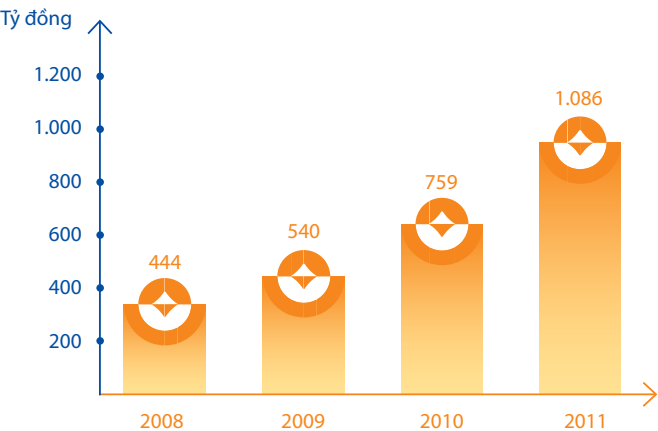
Vào năm hoạt động đầu tiên 2008, vốn chủ sở hữu của LienVietPostBank chỉ ở mức 3.447 tỷ đồng. Qua gần 04 năm hoạt động, vốn chủ sở hữu năm 2011 đã tăng lên 6.594 tỷ đồng trong đó vốn điều lệ đạt 6.010 tỷ đồng. Như vậy, Vốn chủ sở hữu của ngân hàng đã tăng 1,6 lần so với thời điểm cuối năm 2010. Vốn chủ sở hữu tăng mạnh cùng với sự phát triển quy mô tổng tài sản đã chứng tỏ sự tăng trưởng nhanh và liên tục của LienVietPostBank.



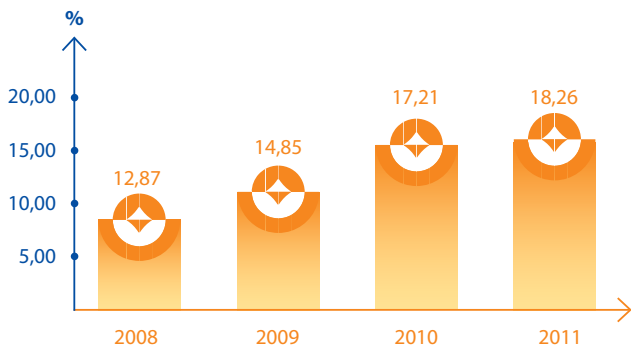
1. LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế

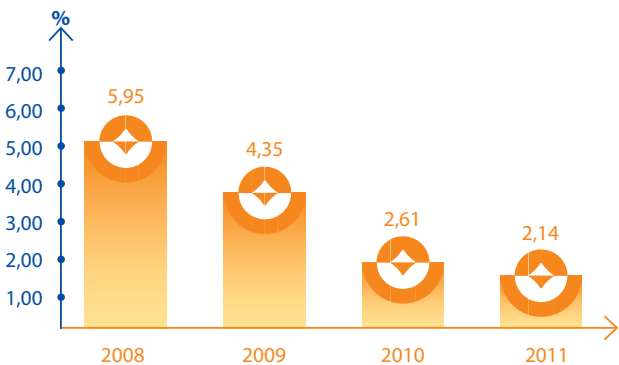
Năm 2011, LienVietPostBank đạt 1.086 tỷ đồng lợi nhuận (tăng 43,08% so với năm 2010). Lợi nhuận lũy kế từ 2008 đến hết 2011 năm đã đạt 2.829 tỷ đồng, thực sự là bàn đạp vững chắc cho tương lai. Đây là con số ấn tượng của ngành Ngân hàng trong giai đoạn kinh doanh khó khăn hiện nay.



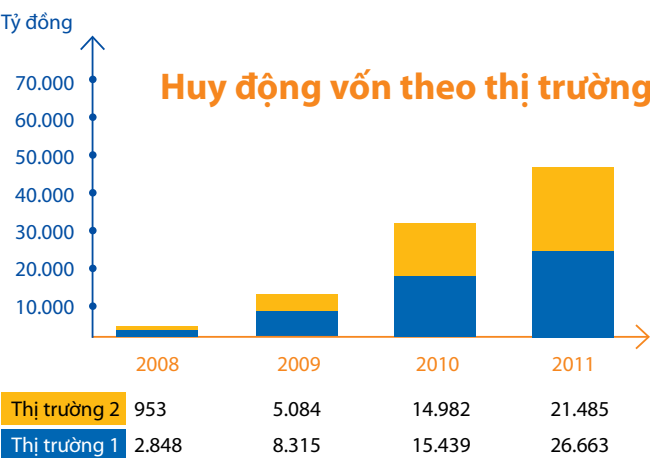
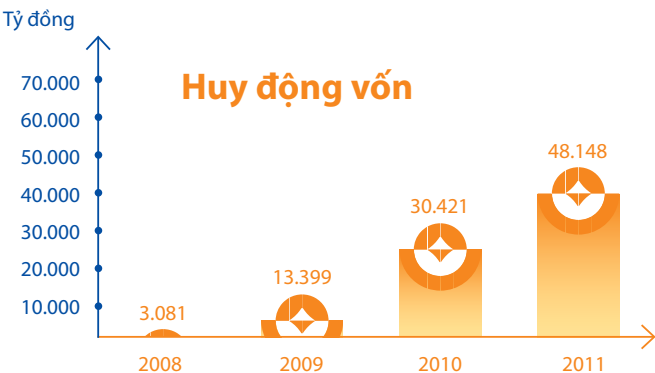
ROAE



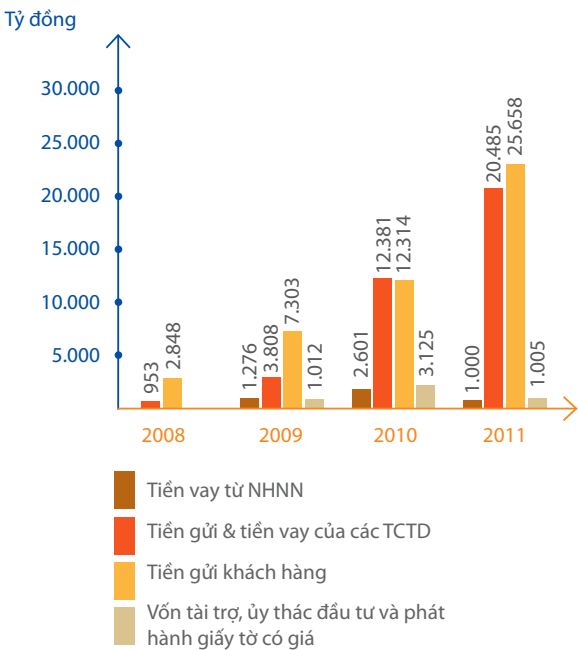
ROAA



2. HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN



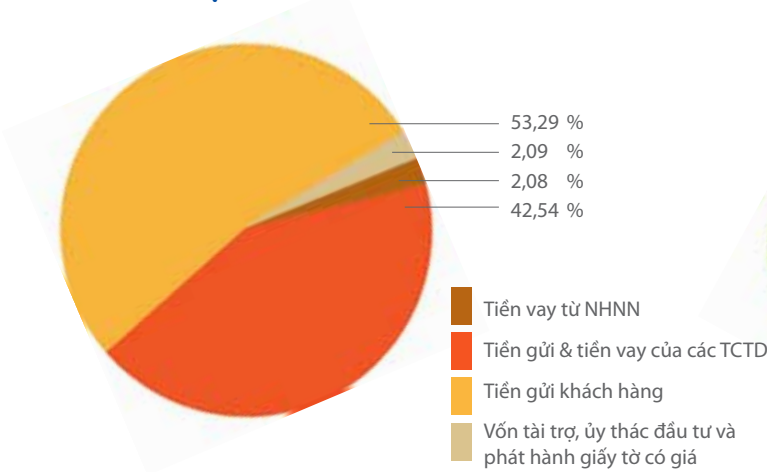
HUY ĐỘNG VỐN THEO LOẠI HÌNH



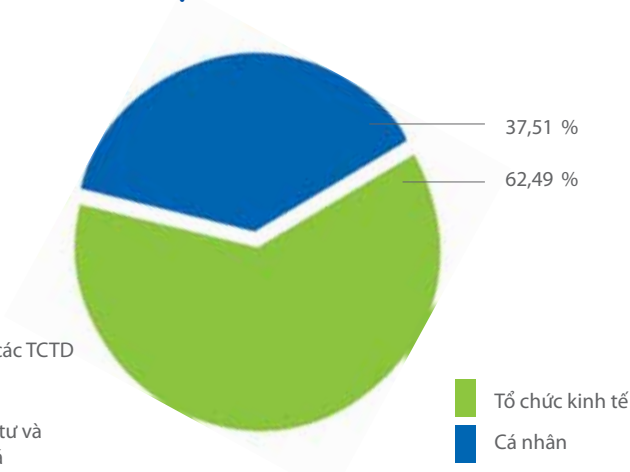
HUY ĐỘNG VỐN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG



CƠ CẤU HUY ĐỘNG VỐN THEO LOẠI HÌNH NĂM 2011



CƠ CẤU HUY ĐỘNG VỐN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG THEO ĐỐI TƯỢNG NĂM 2011

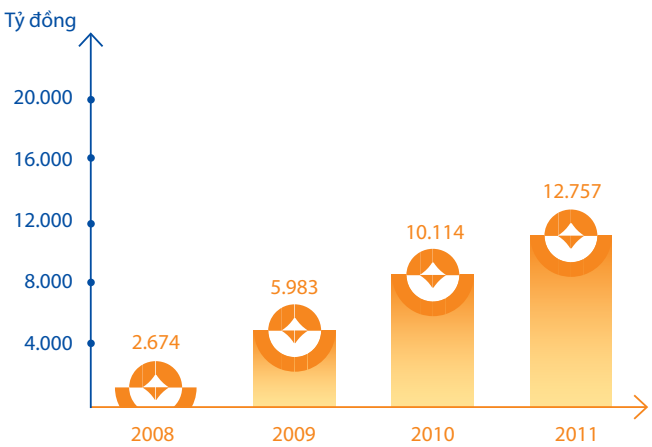


Đến thời điểm 31/12/2011, tổng số dư huy động vốn đạt được 48.148 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2010, tương ứng 17.727 tỷ đồng. Trong đó, nguồn huy động từ thị trường 1 là 26.663 tỷ đồng (55,38%) và từ thị trường 2 là 21.485 tỷ đồng (44,62%).

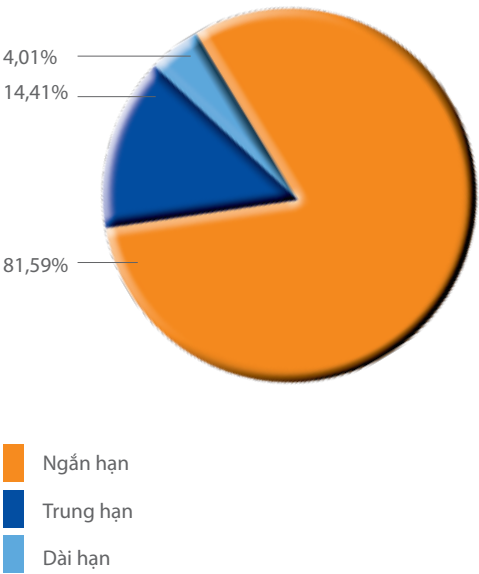
3. HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Dư nợ tín dụng

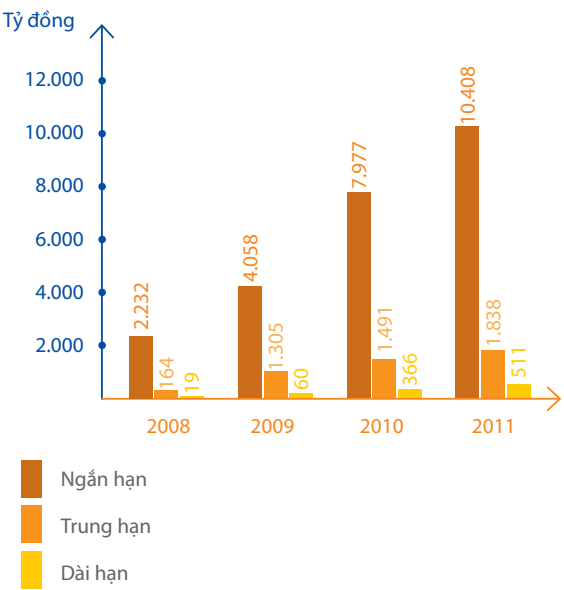
Dư nợ tín dụng đến thời điểm 31/12/2011 đạt 12.757 tỷ đồng, thể hiện những nỗ lực quyết tâm của toàn bộ Ngân hàng và sự tin tưởng của Ngân hàng Nhà nước trong năm qua. Do có những chính sách kinh doanh tốt phục vụ cho sản xuất và nông nghiệp nông thôn, năm 2012 LienVietPostBank đã được Ngân hàng Nhà nước giảm tỷ lệ Dự trữ bắt buộc (DTBB) bằng 1/5 tỷ lệ DTBB thông thường, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng có thêm vốn để phát triển kinh doanh và giảm lãi suất cho vay.



CƠ CẤU DƯ NỢ TÍN DỤNG THỊ TRƯỜNG 1 THEO THỜI HẠN VAY NĂM 2011



DƯ NỢ TÍN DỤNG THỊ TRƯỜNG 1 THEO THỜI HẠN VAY



Hoạt động Thanh toán quốc tế

Năm 2011, thị trường thương mại trong và ngoài nước sụt giảm, đồng thời hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng của từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới. Tuy nhiên, hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT) của LienVietPostBank tăng trưởng khá ấn tượng, doanh số từ hoạt động nhập khẩu đạt 551,84 triệu USD, tăng 146% so với năm 2010 và doanh số từ hoạt động xuất khẩu đạt 120,62 triệu USD, tăng 43% so với năm 2010 góp phần tăng doanh thu từ hoạt động dịch vụ cho toàn Ngân hàng.

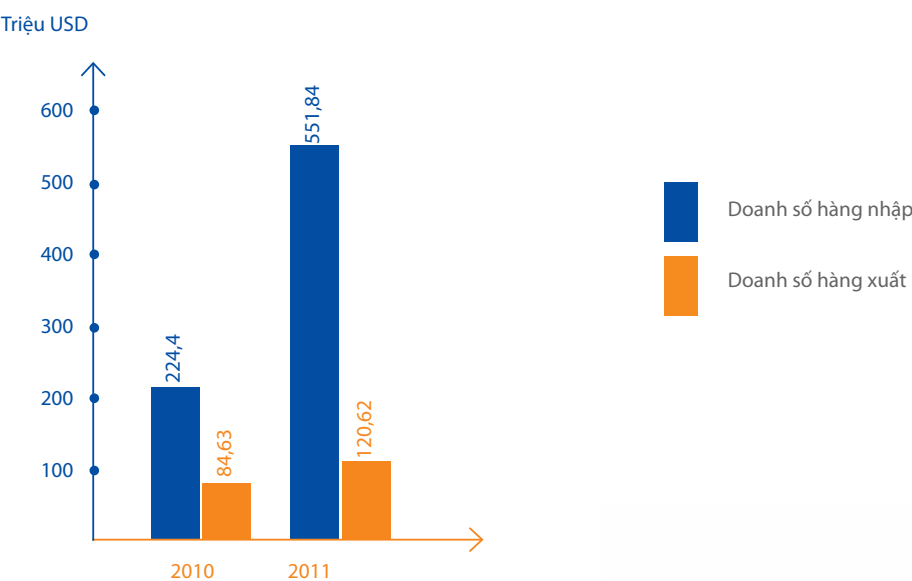
Nhờ có sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, mạng lưới ngân hàng đại lý trải rộng khắp trên toàn thế giới và đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao, LienVietPostBank đã thực hiện các giao dịch TTQT một cách hiệu quả, nhanh chóng, chính xác và an toàn. Trong năm 2011, LienVietPostBank đã nhận được danh hiệu “Ngân hàng cung cấp dịch vụ Thanh toán Quốc tế xuất sắc” do Ngân hàng Wells Fargo (ngân

hàng lớn thứ ba tại Mỹ) trao tặng.

Bên cạnh đó, LienVietPostBank đã có thể mở rộng tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu chủ yếu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thông qua chương trình Tài trợ Thương mại toàn cầu (GTFP) của Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC). Việc này đã khẳng định năng lực của LienVietPostBank trong lĩnh vực tài trợ thương mại, đảm bảo cung ứng nguồn vốn ổn định giúp các doanh nghiệp duy trì hoạt động xuất nhập khẩu trong bối cảnh căng thẳng thanh khoản toàn cầu.

Trong năm 2012, LienVietPostBank sẽ tập trung đưa ra các sản phẩm tài trợ xuất nhập khẩu đa dạng trọn gói có tính cạnh tranh, hàm lượng công nghệ cao và gia tăng các tiện ích khác cho khách hàng kết hợp giữa cơ chế nghiệp vụ với biện pháp kiểm tra giám sát nhằm phát triển nghiệp vụ một cách an toàn và hiệu quả.

Biểu đồ : So sánh kết quả hoạt động TTQT năm 2010 và năm 2011



Với cách tiếp cận bài bản và có trọng tâm, bám sát định hướng đã đề ra, năm 2011 LienVietPostBank đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp đồng thời tạo ra nhiều cơ hội lớn trong công tác kinh doanh và phát triển quan hệ đối tác với các tổ chức, định chế tài chính quốc tế.

Trong năm 2011, các hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế vẫn tiếp tục được mở rộng và đã đem lại nguồn thu đáng kể đối với ngân hàng. Bên cạnh các đối tác truyền thống, LienVietPostBank cũng tích cực xúc tiến gặp gỡ và thương thảo với nhiều đối tác nước ngoài lớn có tiềm năng nhằm tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực huy động vốn quốc tế. Nguồn vốn huy động này được sử dụng hiệu quả để đem lại lãi suất tín dụng cạnh tranh cho khách hàng của ngân hàng.

Tháng 5/2011, LienVietPostBank chính thức thiết lập mối quan hệ với IFC thông qua việc tham gia vào GTFP với hạn mức bảo lãnh ban đầu là 5 triệu USD. Tại thời điểm báo cáo này ban hành, hạn mức tài trợ thương mại đã được nâng lên 20 triệu USD. LienVietPostBank là một trong số 200 ngân hàng phát hành tại hơn 90 nước đang phát triển tham gia GTFP nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam (DNVVN), động lực phát triển chính của nền kinh tế. Sự hợp tác này mở ra nhiều cơ hội cho LienVietPostBank trong việc khai thác sâu hơn nữa mối quan hệ với IFC cũng như các ngân hàng lớn trong khu vực và trên thế giới.

Tháng 7/2011, LienVietPostBank chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm Thế giới (WSBI). WSBI là một hiệp hội đại diện cho các ngân hàng tiết kiệm và bán lẻ quốc tế với hơn 110 thành viên đến từ 89 quốc gia trên thế giới. WSBI làm việc chặt chẽ với các định chế tài chính quốc tế và đại diện cho quyền lợi của các thành viên ở cấp độ quốc tế. Để là thành viên chính thức, ngoài những quy định về thể chế và quản trị, đặc biệt tuân thủ theo nguyên tắc quản trị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) năm 2004, các thành viên phải đạt được 3 tiêu chí:

- Phải chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, cung cấp dịch vụ tài chính cho cá nhân, DNVVN, cư dân địa phương.
- Có mạng lưới phân tán rộng khắp, các dịch vụ ngân hàng gần gũi, dễ tiếp cận.
- Có trách nhiệm xã hội gắn kết trong kinh doanh.

Là thành viên của WSBI, LienVietPostBank được một tổ chức uy tín đại diện cho quyền lợi của mình, có mối liên hệ chặt chẽ với các thành viên khác nhằm học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, được khai thác nguồn thông tin hữu ích và tin cậy phục vụ công tác dự báo, định hướng kinh doanh và hoạch định chiến lược, được hưởng các chương trình đào tạo và tư vấn với các chuyên gia kinh nghiệm quốc tế.



Hoạt động đầu tư và hợp tác quốc tế

Tháng 9/2011, LienVietPostBank chính thức tham gia Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn JICA (Cơ Quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản) giai đoạn III sau khi vượt qua các tiêu chí đánh giá về lành mạnh tài chính, quản trị điều hành và năng lực của ngân hàng trong việc đầu tư và phát triển cho vay các DNVVN. LienVietPostBank một lần nữa được nâng cao năng lực để cho vay các dự án phù hợp của các DNVVN Việt Nam bằng nguồn vốn trung dài hạn ưu đãi từ JICA.

Tháng 11/2011, LienVietPostBank đã kêu gọi thành công và nhận được sự đồng tình của WSBI và Bộ phận Tư vấn của IFC trong việc hỗ trợ tư vấn chiến lược phát triển tài chính vi mô và nâng cao khả năng cạnh tranh cho LienVietPostBank. Theo đó, WSBI cùng với Quỹ Bill & Melinda Gates (B&MGF) sẽ hỗ trợ vốn và kỹ thuật trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt cho LienVietPostBank, trong đó chú trọng nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm ViViet nhằm hiện thực hóa tham vọng của LienVietPostBank biến sản phẩm này thành công cụ thanh toán số 1 tại Việt Nam, hỗ trợ đắc lực trong việc phổ cập dịch vụ tài chính đến những vùng sâu xa và phục vụ cho đối tượng nghèo hoặc không có cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng. Trước đó, WSBI cùng với B&MGF đã hỗ trợ LienVietPostBank triển khai thành công “Dự án tăng trưởng gấp đôi số lượng tài khoản tiết kiệm cho người nghèo”. Với Bộ phận tư vấn của IFC, hai bên đã bước đầu đồng ý trong việc IFC sẽ hỗ trợ vốn và kỹ thuật cho LienVietPostBank nhằm khai thác triệt để mạng lưới bưu chính rộng lớn đầy tiềm năng. Các lĩnh vực tư vấn bao gồm: mô hình kinh doanh, tư vấn về quản trị, quản lý hệ thống thông tin, cách thức thực hiện cho vay, quản lý rủi ro, hệ thống tài chính, cách thức quản lý và phân phối qua mạng lưới bưu cục.

A stylized map of Vietnam is shown in orange against a dark blue background. The map is covered with numerous small white icons, each representing a service point. These icons are distributed across the entire country, with a higher density in the northern and southern regions. The text is overlaid on the left side of the map.

MẠNG LƯỚI CUNG CẤP DỊCH VỤ HƠN **10.000** ĐIỂM GIAO DỊCH

Từ ngày 1/7/2011, LienVietPostBank chính thức khai thác hệ thống hơn 10.000 điểm giao dịch sau khi Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt.

Với mạng lưới phủ khắp 63 tỉnh/thành phố và hơn 10.000 phường xã trên cả nước, LienVietPostBank tự hào mang đến các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại tới mọi đối tượng khách hàng kể cả những người sống tại vùng sâu, vùng xa của đất nước.

Hoạt động Tiết kiệm Bưu điện khi trở thành thành viên của LienVietPostBank

Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện được Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam cung cấp trên mạng lưới Bưu cục khắp cả nước từ năm 1999 trên cơ sở Quyết định số 215/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 04/11/1998 và Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 về việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn tiền gửi Tiết kiệm Bưu điện. Từ tháng 7/2011, LienVietPostBank chính thức khai thác hệ thống Tiết kiệm Bưu điện trên toàn quốc, cung cấp dịch vụ Ngân hàng hạn chế trên hệ thống này.

Ngay từ khi ra đời dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện, với việc xác định đối tượng khách hàng mục tiêu là đại bộ phận dân cư chưa có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ Ngân hàng truyền thống, các sản phẩm, dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện đã được thiết kế để phù hợp và đáp ứng các nhu cầu thực tế của người dân nông thôn, người dân sống ở vùng sâu vùng xa: Hạn mức giao dịch thấp (50.000đ), đơn giản, dễ hiểu cả về mô tả, tiện ích sản phẩm và các thủ tục giao dịch. Ngay từ những ngày đầu cung cấp dịch vụ, để đáp ứng nhu cầu tích lũy các khoản tiết kiệm nhỏ lẻ của đại bộ phận người dân có thu nhập thấp, Tiết kiệm Bưu điện đã cung cấp sản phẩm Tiết kiệm gửi góp, cho phép khách hàng có thể tích lũy tài chính thông qua việc gửi góp định kỳ những khoản tiền nhỏ, lẻ với thủ tục đơn giản trong khi vẫn được áp dụng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn. Đặc biệt, với sản phẩm Tài khoản Tiết kiệm Cá nhân trên đó đã tích hợp dịch vụ thẻ và các dịch vụ thanh toán thu hộ, chi hộ, Tiết kiệm Bưu điện đã có hơn 100.000 khách hàng sử dụng dịch vụ thẻ thanh toán. Dịch vụ này đã mang lại sự hài lòng lớn cho khách hàng kinh doanh buôn bán nhỏ thường xuyên di chuyển địa bàn kinh doanh, những công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, tại các vùng mỏ khai thác than... cũng như rất nhiều Doanh nghiệp có quy mô lao động lớn sử dụng dịch vụ nhờ trả lương thông qua tài khoản Tiết kiệm Cá nhân của người lao động.

Để án Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam tham gia góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt được Chính phủ phê duyệt là một giải pháp đột phá cho việc ra đời một ngân hàng thương mại tập trung vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại đến với “Tam nông”. Việc triển khai thành công Đề án này đã và đang giúp LienVietPostBank có nhiều ưu thế vượt trội trong cung cấp dịch vụ ngân hàng bán lẻ, trong đó đặc biệt là ưu thế trong huy động tiền gửi tiết kiệm nhờ quy mô mạng lưới rộng khắp, cụ thể như sau:

1. Mạng lưới cung cấp dịch vụ với quy mô sâu, rộng tới cấp xã (quy mô lên tới trên 10.000 điểm giao dịch, trong đó có gần 3.000 điểm giao dịch đã nối mạng online, với bán kính phục vụ 2,37 km với đầy đủ các điều kiện cơ sở nhân lực, vật lực để cung cấp dịch vụ) đảm bảo đáp ứng toàn diện về số lượng và thời gian đối với mọi nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của người dân;

2. Với các điều kiện sẵn có nêu trên, LienVietPostBank có điều kiện và lợi thế vượt trội so với các NHTM khác trong việc:

- Nhanh chóng mở rộng mạng lưới Phòng Giao dịch Bưu điện (PDGBĐ) cung cấp dịch vụ lên đến trên 10.000 điểm giao dịch với chi phí đầu tư ban đầu thấp nhất;
- Duy trì hoạt động của mạng lưới PGDBĐ với chi phí hoạt động thấp nhất do dựa vào bộ máy tổ chức, điều hành của các Bưu điện tỉnh, Bưu điện huyện thuộc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam;

3. Thương hiệu Tiết kiệm Bưu điện gắn với Bưu điện Việt Nam tạo nên sự tin tưởng tuyệt đối của người gửi tiền nhờ truyền thống gần bó, gần gũi của ngành Bưu điện với người dân cả nước, nhất là ở khu vực nông thôn;

4. Khách hàng ở khu vực nông thôn vẫn giữ suy nghĩ e ngại đến Ngân hàng hoặc các tòa nhà văn phòng sang trọng để gửi những khoản tiền nhỏ lẻ. Việc cung cấp dịch vụ tại các PGDBĐ bình thường, gần gũi với phong thái giao dịch thân thiện của Giao dịch viên tại PGDBĐ là điều kiện thuận lợi cho người dân đến gửi tiền tiết kiệm;

5. Bưu điện từ lâu đã cung cấp dịch vụ chuyển tiền truyền thống, giữ thị phần chủ đạo đối với dòng tiền lưu chuyển giữa nông thôn và thành thị. Đây là cơ hội rất tốt cho LienVietPostBank huy động dòng tiền này;

6. Đội ngũ cán bộ bưu điện làm việc tại các cấp Bưu điện cơ sở có uy tín và mối quan hệ gần gũi với chính quyền và nhân dân địa phương trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ Bưu chính, Viễn thông. Đây chính là lực lượng hiệu quả nhất để triển khai công tác truyền thông về dịch vụ trực tiếp đến khách hàng.



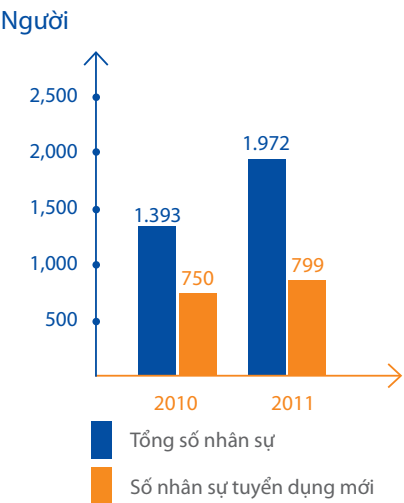
Hoạt động Nhân sự và Đào tạo

Hoạt động Nhân sự

LienVietPostBank có một năm 2011 tăng trưởng ấn tượng với các chỉ số lợi nhuận, tổng tài sản vượt bậc trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn. Đóng góp vào sự tăng trưởng mạnh mẽ này, ngoài những chính sách, định hướng kinh doanh đúng đắn, là nỗ lực của đội ngũ Cán bộ, nhân viên (CBNV) trong toàn hệ thống. Tính đến ngày 31/12/2011 tổng số nhân sự của

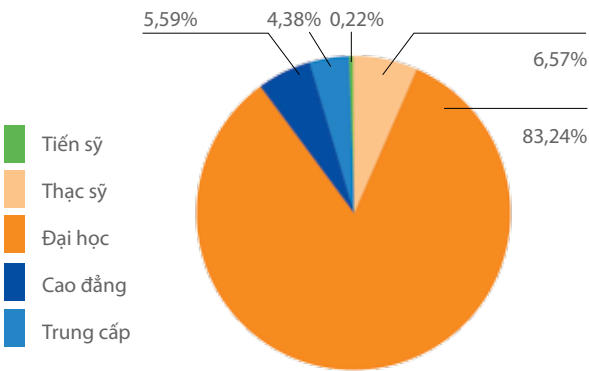
LienVietPostBank trên toàn hệ thống đạt 1.972 CBNV.

Tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học trở lên đạt hơn 90% (trong đó trình độ Tiến sỹ và Thạc sỹ chiếm gần 7%). Điều này cho thấy công tác sàng lọc, tuyển dụng đầu vào được thực hiện một cách bài bản và khắt khe nhằm đảm bảo chất lượng công việc.



Biểu đồ biến đổi nhân sự qua các năm

Chất lượng nhân sự ngân hàng



Biểu đồ cơ cấu nhân sự theo trình độ

Công tác Phát triển tổ chức

Trong năm 2011, LienVietPostBank đã hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận và sắp xếp các nhân sự của VPSC về Ngân hàng, và đảm bảo các chế độ, quyền lợi cho những nhân sự tiếp nhận mới này.

Chính sách đánh giá nhân sự ngày một cải tiến nhằm phát hiện CBNV có năng lực, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Ngân hàng, làm cơ sở xây dựng các chính sách quy hoạch, phát triển cán bộ, ra các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chuyển chuyển điều động, điều chỉnh lương, khen thưởng, kỷ luật phù hợp với năng lực và hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần làm việc, tinh thần cống hiến của CBNV đối với sự phát triển của Ngân hàng.

Chính sách đãi ngộ

Với phương châm “Sống bằng lương - Giàu bằng thưởng”, chính sách lương - thưởng của LienVietPostBank mang tính cạnh tranh cao. Chế độ đãi ngộ luôn đi liền với mức độ đóng góp và hiệu quả công việc.

Ngoài tiền lương, khi làm việc tại LienVietPostBank, cán bộ nhân viên còn được hưởng nhiều chế độ phụ cấp, chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ chăm sóc sức khỏe định kỳ ... Các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được thực hiện đầy đủ. Ngoài ra, Ngân hàng áp dụng chính sách khen thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong công việc nhằm động viên, khuyến khích CBNV toàn hệ thống nỗ lực cống hiến và phấn đấu trên mọi vị trí công tác.



Hoạt động đào tạo

Trong năm 2011, LienVietPostBank đã tổ chức cho 1.700 lượt CBNV trong Ngân hàng tham gia các khóa đào tạo, đánh dấu một sự thay đổi lớn về công tác tổ chức đào tạo kể từ khi thành lập. Các nhân sự được trang bị kỹ năng và nghiệp vụ cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm, góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển của LienVietPostBank.

Ngoài ra, hoạt động đào tạo năm 2011 còn được đánh dấu bởi sự phát triển đội ngũ giảng viên nội bộ, việc hoàn thiện hệ thống giáo trình và việc tổ chức triển khai kỳ thi sát hạch toàn hệ thống. Kỳ thi sát hạch đã tạo bước chuyển biến ban đầu trong ý thức tự học tập, rèn luyện và kiến thức nghiệp vụ đối với toàn thể CBNV trong hệ thống, nâng cao vai trò của cấp quản lý trong việc đào tạo và phát triển nhân viên. Đồng thời qua đó sẽ dẫn chuẩn hóa công tác quản lý, đào tạo và phát triển con người theo các định hướng mà HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Tín dụng & Quản lý chi phí đã đề ra trong Định hướng về Chiến lược Nhân sự của Ngân hàng tại Hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh đầu năm 2011.



Hoạt động thương hiệu

Năm 2011, hoạt động thương hiệu của LienVietPostBank thực sự khả quan với sự thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu và tái định vị thương hiệu. “Bưu điện” vốn rất gần gũi với người dân Việt Nam giờ được gắn kết với “Ngân hàng” để tạo thành mô hình Ngân hàng Bưu điện đầu tiên ở Việt Nam.

Cũng trong năm 2011, LienVietPostBank thay đổi Chiến lược kinh doanh, từ “Đầu tư và dịch vụ, kết hợp bán buôn, bán lẻ và kinh doanh đa năng” sang “Bán lẻ - Dịch vụ - Kinh doanh đa năng”, trở thành “Ngân hàng của mọi người”. LienVietPostBank đang tự làm mới mình, đưa thương hiệu LienVietPostBank gần gũi, thân thiện hơn với mọi người dân Việt Nam.

Song song với việc tái định vị thương hiệu, Ngân hàng cũng tiến hành thay đổi bộ nhận diện thương hiệu để phù hợp với tên gọi và mục tiêu mới của Ngân hàng. Các hoạt động liên quan đến thương hiệu mới LienVietPostBank được triển khai mạnh mẽ trên toàn hệ thống.

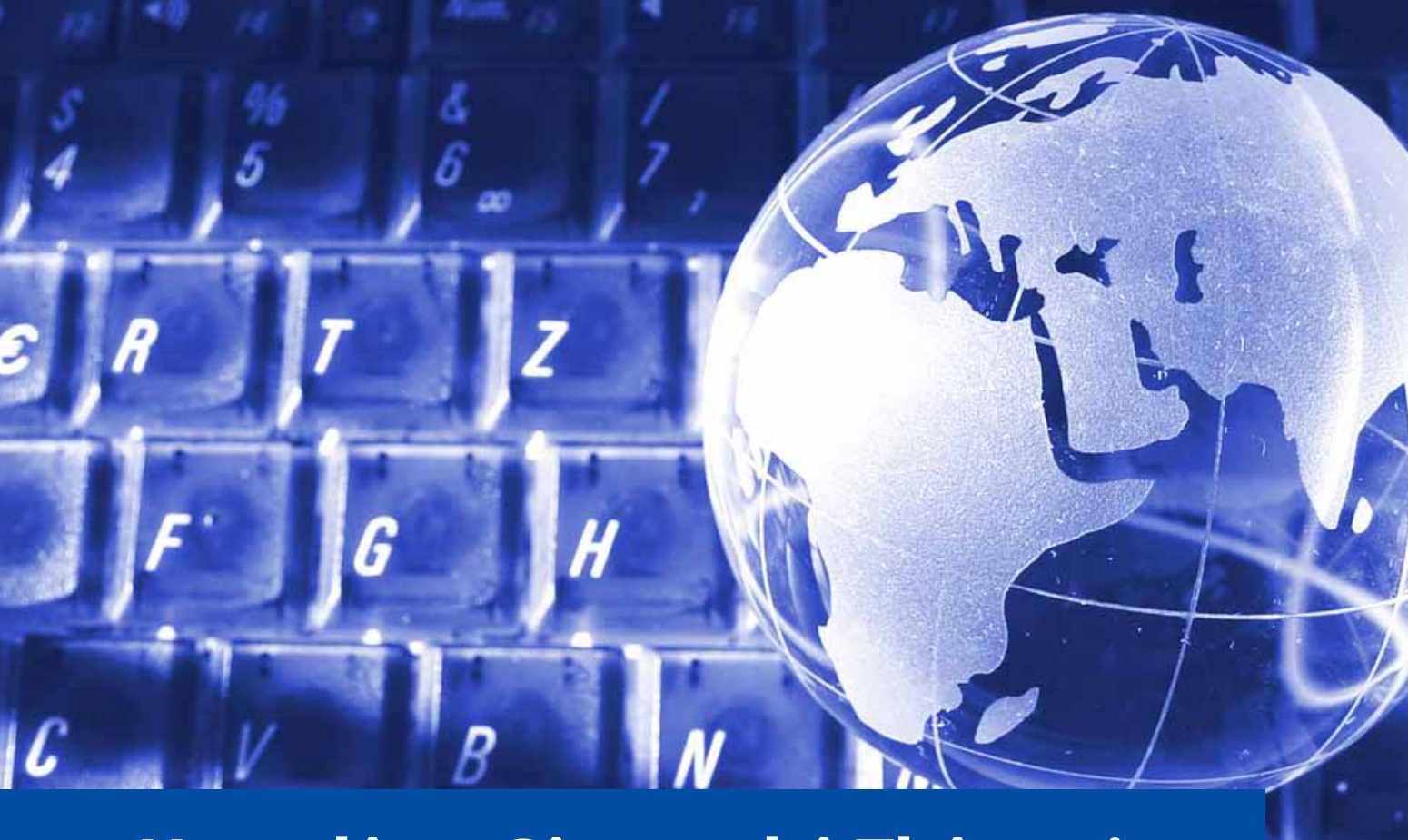
Thông tin về sự kiện sáp nhập cũng như thương hiệu mới của Ngân hàng được cập nhật đến các khách hàng của LienVietPostBank nói riêng và công chúng nói chung trên tất cả các phương tiện truyền thông đại chúng như báo giấy, truyền hình, Đài phát thanh, báo mạng ... Hàng trăm tin, bài về thương hiệu, hoạt động và sản phẩm dịch vụ của LienVietPostBank xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng đã mang lại

hiệu quả truyền thông thương hiệu cao cho Ngân hàng.

Theo đánh giá của Công ty nghiên cứu thị trường có uy tín thì thương hiệu LienVietPostBank là thương hiệu có mức độ nhận diện phát triển nhanh trong năm 2011. Nếu như những năm trước, thương hiệu Ngân hàng Liên Việt chỉ được biết đến tại các tỉnh/thành phố nơi có điểm giao dịch của Ngân hàng thì năm 2011, thương hiệu LienVietPostBank được cả người dân ở vùng nông thôn biết đến.

Việc thay đổi chiến lược kinh doanh và tái định vị thương hiệu là một trong những bước đi đầu tiên trong quá trình chuyển mình của LienVietPostBank để bước sang một giai đoạn phát triển mới vững vàng và mạnh mẽ hơn.

Hình ảnh về một ngân hàng thân thiện, phát triển bền vững, luôn đặt lợi ích khách hàng, cổ đông và các nhà đầu tư lên hàng đầu đang được LienVietPostBank xây dựng và từng bước được công nhận.



Hoạt động Công nghệ Thông tin

Trong Quý III và IV năm 2011, LienVietPostBank và VPSC đã cơ bản hoàn tất công tác sáp nhập hệ thống Tiết kiệm Bưu điện vào Ngân hàng mà một trong các thách thức lớn nhất là tích hợp 2 hệ thống công nghệ thông tin: Hệ thống công nghệ thông tin hiện tại của Ngân hàng, với xương sống là hệ thống Ngân hàng lõi (CoreBanking) và hệ thống công nghệ thông tin do Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện áp dụng để quản lý hoạt động của Công ty tại các Phòng Giao dịch Bưu điện (sau đây gọi là Hệ thống công nghệ Tiết kiệm Bưu điện).

Thách thức này đòi hỏi ban lãnh đạo LienVietPostBank phải tìm ra một giải pháp ứng dụng tổng thể và chưa từng có tiền lệ nhằm giải quyết vấn đề thống nhất ứng dụng, online và hiện đại hóa toàn bộ Hệ thống công nghệ Tiết kiệm Bưu điện theo môi trường tích hợp Ngân hàng-Bưu chính.

Mục tiêu của giải pháp là tập trung phát triển và tận dụng tối đa mạng lưới của VPSC để triển khai các sản phẩm ngân hàng bán lẻ và hình thành mạng lưới thanh toán đa năng trên phạm vi toàn quốc.

Thách thức này cũng rất lớn vì bản thân LienVietPostBank đang trong giai đoạn tự hoàn thiện và hiện đại hóa với việc song song triển khai một loạt dự án công nghệ quan trọng, gồm Dự án Thẻ, Dự án Trung tâm Dữ liệu, và Dự án Ngân hàng Điện tử....

Để giải quyết thách thức đó, Ban lãnh đạo LienVietPostBank đã quyết định lập Nhóm Dự án gồm

các thành viên có trình độ cao về ngân hàng và tin học, tiến hành khảo sát Hệ thống công nghệ Tiết kiệm Bưu điện, đề xuất giải pháp. Trên cơ sở đó vào tháng 9/2011, với sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của Vietnam Post, Nhóm dự án đã bắt tay vào xây dựng 2 giải pháp ứng dụng mang tên Báo cáo ngày và Giải pháp quản trị dịch vụ tại Phòng Giao dịch Bưu điện.

Hai giải pháp ứng dụng này là 2 gói phần mềm bổ trợ cho nhau và liên kết với hệ thống Corebanking của Ngân hàng. Ứng dụng được thiết kế chạy trong môi trường mạng diện rộng phức hợp của LienVietPostBank và Vietnam Post và khả năng mở rộng qua Internet. Hiện nay gói ứng dụng Báo cáo ngày đã bắt đầu đưa vào sử dụng trên hệ thống Bưu điện 63 tỉnh thành, giúp đảm bảo cập nhật dữ liệu về luồng tiền và giao dịch của các Phòng Giao dịch Bưu điện ở trên 63 tỉnh thành trong cả nước, kịp thời phát hiện các vấn đề, bất cập để đảm bảo công tác điều hành nhanh chóng cho cả LienVietPostBank và Vietnam Post.

Đây cũng là bước đệm đầu tiên chuẩn bị cho việc triển khai gói ứng dụng Phòng Giao dịch Bưu điện cao cấp hơn (hiện đang trong những bước cuối cùng chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu). Dự kiến, gói ứng dụng này sẽ được triển khai áp dụng đồng loạt trên Hệ thống công nghệ Tiết kiệm Bưu điện để đảm bảo trực tuyến hóa (*online*) khoảng 1.300 Phòng Giao dịch Bưu điện kể từ cuối tháng 6/2012.

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ TIÊU BIỂU CỦA NGÂN HÀNG



Sản phẩm huy động

Năm tài chính khó khăn LienVietPostBank “Tiến chứ không lùi”

Năm 2011 là một năm tài chính khó khăn đối với thị trường ngân hàng, đặc biệt là hoạt động huy động vốn. Các tổ chức tài chính cạnh tranh gay gắt trong khuôn khổ các quy định chặt chẽ của Chính phủ và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trần huy động lãi suất, quy định về lãi suất áp dụng với các khoản tiền gửi dưới 1 tháng và rút trước hạn...). Tuy nhiên, LienVietPostBank vẫn tự tin vượt qua những khó khăn và xác định “tiến chứ không lùi”. LienVietPostBank vận động để vừa đáp ứng những quy định của Ngân hàng Nhà nước vừa ứng phó thành công với cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường tài chính ngân hàng. LienVietPostBank không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu và bám sát thị hiếu của khách hàng để có thể thiết kế và phát triển các sản phẩm dịch vụ huy động vốn đa dạng, tiện lợi, đáp ứng tốt nhất nhu cầu tài chính cho khách hàng và đặc biệt là phù hợp với chiến lược của LienVietPostBank.

Sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng – tiện ích – phù hợp với nhu cầu của Khách hàng

Được coi là “món quà” tài chính hữu hiệu cho các Khách hàng Doanh nghiệp, Sản phẩm “Đầu tư tự động” của LienVietPostBank là một trong những sản phẩm huy động vốn được các Doanh nghiệp lựa chọn nhiều nhất bởi thông qua sản phẩm này, LienVietPostBank đã mang lại lợi ích tài chính để vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhàn rỗi ngắn hạn, đồng thời vẫn đảm bảo tính linh hoạt cho các Doanh nghiệp. Ngoài ra, sản phẩm “Đầu tư tự động” giúp cho các Doanh nghiệp quản lý tốt nhất nguồn vốn của mình từ nhiều tài khoản kinh doanh khác nhau và sử dụng nguồn vốn linh hoạt như tài khoản tiền gửi thanh toán thông thường vì nguồn vốn được điều chuyển tự động qua

lại giữa tài khoản tiền gửi thanh toán và tài khoản đầu tư tự động với mức lãi suất hấp dẫn.

Song song với sản phẩm Đầu tư tự động, Tài khoản lãi cao là một tiện ích và ưu đãi lớn mà LienVietPostBank dành cho Khách hàng cá nhân với những tính năng vượt trội so với các sản phẩm huy động trên thị trường và tạo điều kiện tối đa giúp khách hàng có thể chủ động rút gốc bất cứ khi nào, đồng thời vẫn được hưởng lãi suất bậc thang tương ứng với số dư cuối ngày tích lũy trên tài khoản của khách hàng.

Các chương trình khuyến mại được coi là điểm nhấn quan trọng trong chính sách huy động của LienVietPostBank trong từng thời kỳ, với mục đích tri ân khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ tại LienVietPostBank, tạo chính sách thu hút khách hàng gửi tiền. LienVietPostBank đã đưa ra nhiều chương trình khuyến mại khuyến khích khách hàng gửi tiền. Những chương trình này đã giúp cho LienVietPostBank đẩy mạnh được các sản phẩm dịch vụ huy động vốn và mang lại lợi ích to lớn, thiết thực cho nhiều khách hàng may mắn.

Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện Dịch vụ của mọi người

Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện hiện đang được cung cấp tại hệ thống các bưu cục tại 63 tỉnh, thành trên toàn quốc. Từ tháng 7/2011, LienVietPostBank đã nghiên cứu, phát triển rất nhiều sản phẩm tiết kiệm mới với các kỳ hạn linh hoạt và lãi suất cạnh tranh trên thị trường trên hệ thống Tiết kiệm Bưu điện như: Tiết kiệm có kỳ hạn rút một lần, tiết kiệm có kỳ hạn rút gốc từng phần, tiết kiệm lãi định kỳ, tiết kiệm gửi gộp, dịch vụ trả lương qua tài khoản, dịch vụ nhờ thu và nhờ trả... Trong năm 2011 vừa qua, Tiết kiệm bưu điện đã có thêm kỳ hạn mới, kỳ hạn 1 tháng và 2 tháng với mức lãi suất hấp dẫn 14%/năm, cao nhất trên thị trường tại thời điểm đó phục vụ cho nhu cầu gửi tiền sinh lời trong thời gian ngắn hạn của khách hàng. Đồng thời, sau khi sáp nhập, khách hàng của Tiết kiệm Bưu điện còn được tiếp cận với các sản phẩm dịch vụ mà chỉ LienVietPostBank mới có như chuyển tiền ra ngoài hệ thống, dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, ...

Năm 2012 – Phát triển sản phẩm dịch vụ huy động vốn tiếp tục là nhiệm vụ then chốt của LienVietPostBank

LienVietPostBank tiếp tục xác định nhiệm vụ phát triển sản phẩm dịch vụ huy động vốn là nhiệm vụ then chốt cho năm 2012 nhằm phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của Khách hàng.

Các sản phẩm tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn với các tính năng linh hoạt, vượt trội, các giá trị gia tăng phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong từng giai đoạn của cuộc sống đang được LienVietPostBank nghiên cứu và chuẩn bị giới thiệu ra thị trường như các sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn ngắn hạn, tiết kiệm an cư, dịch vụ gia tăng kết hợp với sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử là một trong những hướng đi chính được LienVietPostBank đầu tư để tăng lượng khách hàng sử dụng sản phẩm của Ngân hàng và tạo cơ sở cho các hoạt động bán chéo những sản phẩm dịch vụ khác. Đối với dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện, khách hàng không chỉ được hưởng mức lãi suất cạnh tranh trên thị trường mà còn được sử dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại mà hệ thống tiết kiệm trước đây không được phép cung cấp như: Các dịch vụ tiết kiệm có kỳ hạn, Dịch vụ Tiết kiệm cá nhân, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ ngân hàng điện tử, ... Bên cạnh việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm huy động vốn đa dạng và phù hợp với nhu cầu của khách hàng trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, LienVietPostBank tiếp tục áp dụng các chính sách huy động vốn ưu đãi dành cho khách hàng để tạo đà tăng trưởng huy động vốn và mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.

Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn

Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn: Kết nối giữa LienVietPostBank với người Nông dân

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn, ngay từ đầu năm 2010, Hội đồng Quản trị LienVietPostBank đã phê duyệt Đề án “Đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong năm 2010 và định hướng đến năm 2013” nhằm thực hiện chính sách gắn doanh nghiệp với nông dân, cho vay khép kín đảm bảo liên kết các nhà sản xuất, nhà chế biến, nhà xuất khẩu với nông dân giúp cho người nông dân vươn lên làm giàu, góp phần xóa bỏ nợ cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn.

Sau giai đoạn triển khai thí điểm thành công tại một số tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, trong năm 2011, LienVietPostBank đã triển khai Đề án rộng khắp trên cả nước và gặt hái nhiều thành công. Dư nợ của Đề án đến hết 31/12/2011 là 5.586,7 tỷ đồng, trong đó dư nợ đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình là 732,4 tỷ đồng; dư nợ đối với khách hàng doanh nghiệp là 4.863,3 tỷ đồng; dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 40,58% tổng dư nợ của LienVietPostBank.

Những điểm nổi trội của sản phẩm tín dụng nông nghiệp nông thôn của LienVietPostBank so với các ngân hàng khác:

-Mức cho vay cao, đáp ứng theo nhu cầu của dự án sản xuất (đến 80% chi phí của dự án);

-Hồ sơ xử lý nhanh gọn, thủ tục do ngân hàng hoàn tất, khách hàng chỉ ký hồ sơ để nhận tiền.

-Thời hạn cho vay khá linh hoạt, tùy theo điều kiện trả nợ và thời vụ của phương án sản xuất, giúp cho người vay giảm áp lực thanh toán hoặc thanh toán ngay khi có nguồn tiền.

Trong quá trình triển khai sản phẩm tín dụng nông nghiệp nông thôn, LienVietPostBank đã khai thác khách hàng thông qua các tổ chức xã hội như Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, thông qua khách hàng đã quan hệ tín dụng để tìm kiếm khách hàng mới. Đây là cách làm mới và sáng tạo của LienVietPostBank

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2011, trong năm 2012, LienVietPostBank sẽ triển khai sâu rộng Đề án đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Dự kiến dư nợ đề án sẽ đạt từ 7.000-10.000 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho hộ nông dân đạt 2.000 tỷ đồng.



Những kết quả đạt được rất khả quan sau 2 năm triển khai thí điểm Đề án tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn tại Hậu Giang. Đây là nguồn động viên, khích lệ to lớn đối với toàn thể CBNV của LienVietPostBank để thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: "LienVietPostBank gắn với bà con nông dân Hậu Giang bằng quan hệ tín dụng" trong dịp đến thăm LienVietPostBank ngày 28/11/2009.

Sản phẩm Ngân hàng Điện tử

Sản phẩm Ví điện tử hàng đầu Việt Nam

Ví Việt là dịch vụ Ví điện tử do LienVietPostBank bắt đầu cung cấp kể từ năm 2011. Khác với các dịch vụ ngân hàng điện tử tương tự trên thị trường, với Ví Việt, người dùng không cần mở tài khoản Ngân hàng. Chỉ với một số điện thoại và chiếc điện thoại di động, khách hàng có thể thực hiện mọi giao dịch trong đời sống hằng ngày thông qua hình thức nhắn tin đến Tổng đài Ví Việt hoặc trên giao diện Internet.

Ví Việt có nhiều tiện ích như nạp tiền, chuyển tiền, rút tiền mặt, thanh toán hóa đơn dịch vụ (đi chợ, mua sắm, ăn uống, nước, điện thoại, truyền hình cáp...) đồng thời cũng giúp nhận, chi trả lương cho doanh nghiệp.

Trong năm 2011, hệ thống công nghệ Ví Việt của LienVietPostBank đã kết nối với hệ thống CoreBanking và kết nối với các kênh SMS banking, Topup. Hệ thống Ví Việt cũng được hoàn thiện về mô hình chuẩn kết nối với các đối tác thương mại điện tử.

Để triển khai và hợp tác kinh doanh Ví Việt, LienVietPostBank đã ký hợp đồng với 08 đối tác: VNPT ePay (topup), Viettel-bankplus (thanh toán các dịch vụ của Viettel), NetNam (phân phối và mở TK tự động), PTI (mua bảo hiểm online qua Ví Việt), Loto365 (thanh toán), Vietnam Post (nạp tiền, rút tiền), M-pay, Vân Phương (chi trả lương nhân viên). LienVietPostBank cũng đã thực hiện thử nghiệm nội bộ qua việc trả lương thường xuyên cho CBNV của 13 chi nhánh phát triển và hỗ trợ gần 2.000 thuê bao đăng ký và sử dụng Ví Việt thường xuyên.

Tháng 12/2011 LienVietPostBank đã quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ví Việt nhằm tập trung đầu tư hơn cho Ví Việt và xã hội hóa rủi ro cũng như đầu tư của sản phẩm Ví Việt. Hiện nay Ban Trù Bì thành lập Công ty Cổ phần Ví Việt đang tiến hành hoàn thiện thủ tục thành lập công ty và vận động góp vốn, hướng đến đạt được số vốn đầu tư 50 triệu USD, góp trong vòng 2 năm kể từ thời điểm chính thức thành lập Công ty. Sau khi thành lập, Công ty sẽ hoạt động theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh với LienVietPostBank trong 50 năm với mục tiêu trọng tâm là biến Ví Việt thành một công cụ thanh toán nhu/tương đương tiền mặt hàng đầu trong thị trường Ví điện tử Việt Nam, tích cực tham gia thực hiện chính sách của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

Sản phẩm Thẻ

Với chiến lược hoạt động trở thành "Ngân hàng của mọi người", LienVietPostBank liên tục nỗ lực triển khai và cung cấp các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng hiện đại



mang đến cho Khách hàng ngày càng nhiều giá trị và lợi ích. Năm 2011, tiếp nối việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại đã triển khai – Internet Banking, SMS Banking, LienVietPostBank chính thức phát hành sản phẩm Thẻ đầu tiên - Thẻ Ghi nợ nội địa mang thương hiệu Liên Kết Phát Triển.

Năm 2011 thành quả nổi bật trong việc xây dựng mạng lưới kênh thanh toán hiện đại của LienVietPostBank là việc kết nối thành công hệ thống ATM với ba hệ thống chuyển mạch Thẻ lớn nhất Việt Nam: Smartlink, BanknetVN và VNBC. Với số lượng hơn 16.600 máy ATM của các liên minh thẻ, chiếm đến 98% số lượng máy ATM của thị trường, phủ sóng rộng khắp lãnh thổ Việt Nam, khách hàng của LienVietPostBank đều dễ dàng tìm cho mình một địa chỉ giao dịch an toàn, nhanh chóng và tiện lợi. Đây quả là một chiến lược đúng đắn của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc khi quyết định không đầu tư dàn trải vào hệ thống máy ATM mà tận dụng sức mạnh sẵn có từ các liên minh thẻ.

Với nền tảng Hệ thống kênh thanh toán ATM đã thiết lập, tận dụng mạng lưới rộng khắp cả nước của Vietnam Post – đối tác mang tính chiến lược của LienVietPostBank với việc sáp nhập VPSC trong năm 2011 – năm 2012 LienVietPostBank sẽ tiếp tục thúc đẩy việc triển khai hệ thống POS tại hơn 600 bưu cục trên toàn quốc và triển khai lắp đặt có chọn lọc ATM tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Ngân hàng. Không thể bỏ qua hệ thống công nghệ tiên tiến mạng và điện thoại, năm 2012, việc mở rộng hợp tác với các đối tác thương mại điện tử cũng sẽ được chú trọng nhằm cung cấp cho Khách hàng của LienVietPostBank những dịch vụ tiện ích, có thể sử dụng mọi lúc mọi nơi.

Năm 2012, ngoài việc tiếp tục phát triển hệ thống sản phẩm Thẻ và Ngân hàng điện tử, triển khai cho các đối tượng Khách hàng hiện hữu, LienVietPostBank sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc hợp tác với các đối tác, đặc biệt là thông qua mạng lưới hơn 10.000 điểm của Vietnam Post mang đến cho các tầng lớp nhân dân gói các sản phẩm ngân hàng hiện đại kết hợp với các sản phẩm ngân hàng truyền thống đã có.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Sau hàng loạt các cuộc khủng hoảng tài chính mà hậu quả trực tiếp là sự sụp đổ của rất nhiều ngân hàng đang hoạt động, tầm quan trọng của hoạt động quản trị rủi ro đã được nâng lên một tầm cao mới.

Tại LienVietPostBank, hoạt động quản trị rủi ro đã sớm được định hướng phát triển ngay từ những ngày đầu thành lập. Trong năm 2011, hoạt động quản trị rủi ro đã và đang tích cực được xây dựng, phát triển đóng góp vào sự phát triển chung của Ngân hàng.

KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Kể từ những ngày đầu thành lập cho đến nay, LienVietPostBank đã tích cực hoàn thiện khung hệ thống quản trị rủi ro đáp ứng chuẩn mực quốc tế trong đó đặc biệt đảm bảo tính “độc lập, khách quan” của bộ phận quản lý rủi ro.

Ủy ban ALCO, Pháp chế, Quản lý rủi ro & Phòng, chống rửa tiền (PC, QLRR & PCRT) là đơn vị trực thuộc HĐQT, có trách nhiệm cao nhất trong việc tham mưu cho HĐQT, giúp HĐQT quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, quản lý rủi ro, công tác phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Nhiệm vụ quản trị rủi ro của LienVietPostBank được thực hiện chủ yếu bởi Khối PC, QLRR & PCRT với yêu cầu đảm bảo đánh giá và kiểm soát được các rủi ro trọng yếu của hoạt động ngân hàng, bao gồm (nhưng không giới hạn): Rủi ro tín dụng; Rủi ro thanh khoản; Rủi ro thị trường; Rủi ro hoạt động và Công tác phòng, chống rửa tiền.

Hoạt động quản lý rủi ro tại LienVietPostBank được thực hiện theo hướng tập trung tuy nhiên không tách rời yêu cầu quản lý rủi ro tại từng đơn vị nghiệp vụ.

Trong năm, LienVietPostBank ghi dấu ấn đặc biệt quan trọng với thương vụ sáp nhập lịch sử với Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện. Với những thay đổi rất trọng yếu trong cơ cấu tổ chức, quy mô của ngân hàng vừa qua, LienVietPostBank đang tích cực hoàn thiện, chỉnh sửa khung chính sách và chiến lược quản trị rủi ro phù hợp đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện toàn diện, độc lập, hiệu quả, hướng tới mục tiêu phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

1. Quản trị rủi ro tín dụng

Năm 2011 được xem là một năm không mấy thuận lợi cho việc phát triển tín dụng của các ngân hàng do chủ trương kiểm soát chặt chẽ hoạt động này của Ngân hàng Nhà nước; nguy cơ gia tăng rủi ro tín dụng do hàng loạt thông tin xấu từ nền kinh tế thế giới nói

chung và kinh tế Việt Nam nói riêng (thị trường chứng khoán, bất động sản đình đốn; các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn).

Tuy nhiên, hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của LienVietPostBank đã kịp thời có những thay đổi rất linh hoạt, đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

a) **Chính sách tín dụng linh hoạt:** Định hướng phát triển tín dụng, chính sách tín dụng của LienVietPostBank được rà soát, cập nhật theo tình hình thị trường. Trước những biến động của thị trường, LienVietPostBank đã kịp thời có những điều chỉnh phù hợp, ban hành các chỉ thị tín dụng hạn chế hoặc tạm dừng cho vay đối với các ngành có mức độ rủi ro cao.

b) **Thượng tôn pháp luật:** Năm 2011, LienVietPostBank đã đưa ra đồng bộ các giải pháp nhằm vừa đạt được kế hoạch của HĐQT đã đề ra, vừa đáp ứng được các quy định về đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

- Kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng theo đúng chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.
- Kiểm soát tỷ trọng cho vay lĩnh vực phi sản xuất: Dưới 22% tại thời điểm 30/06/2011 và dưới 16% tại thời điểm 31/12/2011.

c) **Chính sách khách hàng ưu tiên các đối tượng khách hàng được ưu đãi theo chính sách của Nhà nước:** Ưu tiên cho vay khách hàng truyền thống, khách hàng thuộc lĩnh vực sản xuất, khách hàng thuộc chương trình cho vay nông nghiệp, nông thôn.

d) **Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng để đảm bảo khả năng thu hồi nợ, tích cực tìm giải pháp để đôn đốc, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn.**

e) **Chuẩn hóa hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ:** LienVietPostBank đã nghiên cứu xây dựng và chính thức ban hành, triển khai hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng tín dụng nội bộ từ đầu năm 2010. Đến nay hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đã được xây dựng đối với các đối tượng khách hàng: khách hàng doanh nghiệp, khách hàng định chế tài chính và khách hàng cá nhân. Tuy nhiên nhận thức được tầm quan trọng của việc chấm điểm, xếp hạng khách hàng trong công tác quản lý rủi ro tín dụng với mục tiêu tối ưu hóa chất lượng của chấm điểm, xếp hạng khách hàng, trong năm 2011 LienVietPostBank đã tổ chức đấu thầu, lựa chọn công ty Ernst & Young Việt Nam (E&Y) là đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

f) **Đa dạng hóa cơ cấu tín dụng:** Căn cứ trên các phân tích về ngành, lĩnh vực kinh tế cũng như tình hình thị trường, định hướng phát triển tín dụng được xây dựng theo tiêu chí đa ngành, đa nghề, ưu tiên phát triển tín dụng đối với các ngành nghề tiềm năng, phù hợp với chính sách kinh tế, xã hội.



2. Quản trị rủi ro thị trường và quản trị rủi ro thanh khoản

- a) Quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro thanh khoản theo nguyên tắc cẩn trọng, chủ động, linh hoạt.
- Công tác quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá được thực hiện ở nhiều cấp độ;
 - Theo dõi, giám sát thường xuyên các biến động của thị trường và áp dụng chính sách linh hoạt theo thị trường;
 - Duy trì chênh lệch kỳ hạn tài sản nợ-tài sản có; duy trì trạng thái ngoại tệ ròng hợp lý;
 - Sử dụng linh hoạt các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá hiệu quả;
 - Chú trọng việc nghiên cứu các phương pháp, mô hình quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá hiệu quả, phù hợp với mô hình của Ngân hàng;
 - Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn với chi phí hợp lý, ổn định, ít nhạy cảm với biến động thị trường.
- b) Thiết lập và kiểm soát hệ thống các hạn mức trong hoạt động kinh doanh ngoại hối, kinh doanh tiền tệ

LienVietPostBank thiết lập hệ thống các hạn mức kiểm soát hoạt động kinh doanh ngoại hối, tiền tệ bao gồm: hạn mức MM, hạn mức FX, hạn mức giao dịch, quy định về trần/sàn tỷ giá...

Các hạn mức trên được thiết lập và kiểm soát từ cấp độ từng giao dịch đến cấp độ toàn hệ thống bởi bộ phận thẩm định và kiểm soát rủi ro độc lập (Khối PC,QLRR & PCRT).

3. Quản trị rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra khá thường xuyên trong hoạt động của các ngân hàng và được LienVietPostBank rất quan tâm phát triển trong năm 2011 vừa qua. Trong năm 2011, các chương trình, kế hoạch tổ chức hoạt

động của quản trị rủi ro hoạt động đã được xây dựng hoàn chỉnh và đi vào triển khai.

Bộ phận quản trị rủi ro hoạt động tham gia trực tiếp vào việc xem xét các yếu tố rủi ro của các quy trình/sản phẩm mới trước khi ban hành.

Bên cạnh đó, bộ phận cũng thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ thường xuyên rủi ro hoạt động phát sinh ở nhiều khía cạnh (con người, hệ thống, văn bản...) và đề xuất các biện pháp giải quyết phù hợp.

4. Công tác phòng, chống rửa tiền

- a) Trong năm 2011, LienVietPostBank đã ban hành Quy chế phòng, chống rửa tiền phù hợp với Quy chế quản trị, điều hành mới LienVietPostBank cũng như các văn bản mới được ban hành của các cơ quan có thẩm quyền.
- b) Để kiểm soát hoạt động rửa tiền, LienVietPostBank đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, cụ thể như sau:

- Tiếp tục triển khai và phát huy hiệu quả của các nhóm kiểm soát phòng, chống rửa tiền tại các Đơn vị kinh doanh để kiểm soát hoạt động rửa tiền cho toàn hệ thống; Tính đến hết năm 2011, tất cả các Chi nhánh/Phòng giao dịch đều có các nhóm kiểm soát phòng, chống rửa tiền tại đơn vị.

- Kiểm soát báo cáo phòng, chống rửa tiền theo đúng các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền khác.

- Xây dựng và thường xuyên cập nhật danh sách Blacklist hàng ngày để thông báo cho hệ thống góp phần giúp các đơn vị có thông tin cập nhật và hữu ích trong việc tra cứu, rà soát khách hàng.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN, XÃ HỘI TIÊU BIỂU



Xã hội luôn là nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, LienVietPostBank luôn gắn kết hoạt động kinh doanh của mình với các hoạt động từ thiện, nhân đạo... với mong muốn cùng chung tay xây dựng xã hội ngày càng phát triển và bền vững.

Trong năm 2011, HĐQT đã quyết định thành lập và tài trợ cho Quỹ Khuyến học, Khuyến tài tại một số tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Các Quỹ Khuyến học, Khuyến tài được thành lập với mục đích là: Chăm lo, hỗ trợ, giúp các em học sinh, sinh viên tỉnh học giỏi phát huy đúng mức tài năng của mình trên các lĩnh vực học tập; khen thưởng đối với giáo viên, nhà giáo của tỉnh, giáo viên, nhà giáo làm nhiệm vụ bồi dưỡng đội tuyển dự thi học sinh giỏi Quốc gia, Quốc tế có thành tích đặc biệt xuất sắc góp phần phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài phục vụ công cuộc Đổi mới.

Bắt đầu thực hiện từ những ngày đầu năm 2011, tính đến nay đã có 5 Quỹ Khuyến học, Khuyến tài được thành lập như: Quỹ khuyến học Phạm Văn Trà (Bắc Ninh), Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Đất tổ (Phú Thọ), Quỹ Khuyến học Lương Thế Vinh (Nam Định), Quỹ Khuyến học Chu Văn An (Hà Nội), Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Nguyễn Đan Quế (Thanh Hóa).

Cho đến thời điểm 31/12/2011, tổng tài trợ cho các Quỹ Khuyến học, Khuyến tài của LienVietPostBank và Công ty Cổ phần Him Lam đã đạt gần 16 tỷ đồng. Dù chỉ mới phát động và thực hiện được một năm nhưng tại mỗi nơi chương trình đi qua, các Quỹ khuyến học, Khuyến tài đã góp phần vào công tác khuyến học của các tỉnh, thành khuyến khích những tài năng của quê hương phát triển.

Quỹ Khuyến học Phạm Văn Trà tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh là điểm đến đầu tiên trong chương trình “Chắp cánh ước mơ”. Tại đây, ngày 1/8/2011 Quỹ khuyến học Phạm Văn Trà đã được ra đời. Quỹ khuyến học Phạm Văn Trà tuy mới đi vào hoạt động được hơn một năm nhưng đã huy động gần 15 tỷ đồng để phục vụ công tác khuyến học, khuyến tài tại Bắc Ninh./.

Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Đất tổ tỉnh Phú Thọ

Ngày 30/9/2011, tại Phú Thọ, nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Hội Khuyến học Việt Nam, LienVietPostBank và Công ty Cổ phần Him Lam cùng các đơn vị liên quan tổ chức Lễ ra mắt Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Đất Tổ. Đã có rất nhiều ngân hàng và doanh nghiệp tham gia tài trợ cho Quỹ với tổng số tiền hơn 10 tỷ đồng, trong đó, LienVietPostBank: 3 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Him Lam: 3 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Thăng Long: 1 tỷ đồng; VietinBank: 1 tỷ đồng; Agribank: 1 tỷ đồng; BIDV: 1 tỷ đồng...

Quỹ Khuyến học Chu Văn An, TP. Hà Nội

Nhân kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập Hội Khuyến học Việt Nam (2/10/1996-2/10/2011), LienVietPostBank đã tài trợ 3 tỷ đồng cho Quỹ Khuyến học Chu Văn An của huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

Quỹ khuyến học Lương Thế Vinh tỉnh Nam Định

Nhân dịp kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam (20 – 11), LienVietPostBank và Công ty Cổ phần Him Lam đã tổ chức buổi Lễ ra mắt Quỹ khuyến học Lương Thế Vinh và tuyên dương các học sinh đạt thành tích xuất sắc năm học 2010 - 2011 của tỉnh Nam Định. Ngay trong ngày công bố thành lập 18/11/2011, Quỹ Khuyến học Lương Thế Vinh đã nhận được sự ủng hộ của các nhà tài trợ trên 11 tỷ đồng.

Quỹ Khuyến học Khuyến tài Nguyễn Đan Quế tỉnh Thanh Hóa

Tháng 12/2011, Ông Nguyễn Đình Thắng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Hồng Cơ Group, đồng thời là Thành viên HĐQT LienVietPostBank trao 150 suất học bổng Quỹ Khuyến học, Khuyến tài Nguyễn Đan Quế cho học sinh nghèo hiếu học thuộc các huyện Hậu Lộc, Nông Cống & Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dự kiến năm 2012, LienVietPostBank và Công ty Cổ phần Him Lam mỗi đơn vị sẽ hỗ trợ Quỹ với số tiền là 3 tỷ đồng.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2012

1. Các mục tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu:

- **Tổng tài sản:** 72.000 tỷ đồng
- **Dư nợ tín dụng:** 23.500 tỷ đồng
- **Huy động thị trường 1:** 40.500 tỷ đồng
- **Lợi nhuận trước thuế:** Phần đầu đạt 1.325- 1.500 tỷ đồng
- **Cổ tức:** 13 – 15%
- **Vốn điều lệ:** 6.520,1 tỷ đồng

Mục tiêu tổng quát:

Tái cấu trúc từng hoạt động nghiệp vụ trên cơ sở xem xét sửa đổi quy chế, quy định, đổi mới con người từ cách nghĩ, cách làm đến việc thay thế nhân sự; xử lý dứt điểm những tồn tại nếu có, phát triển an toàn, bền vững, thượng tôn Pháp luật.

2. Định hướng:

Bám sát vào chiến lược hoạt động dài hạn của LienVietPostBank **“Bán lẻ - Dịch vụ - Kinh doanh đa năng” - trở thành “Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam - Ngân hàng của mọi người”**.

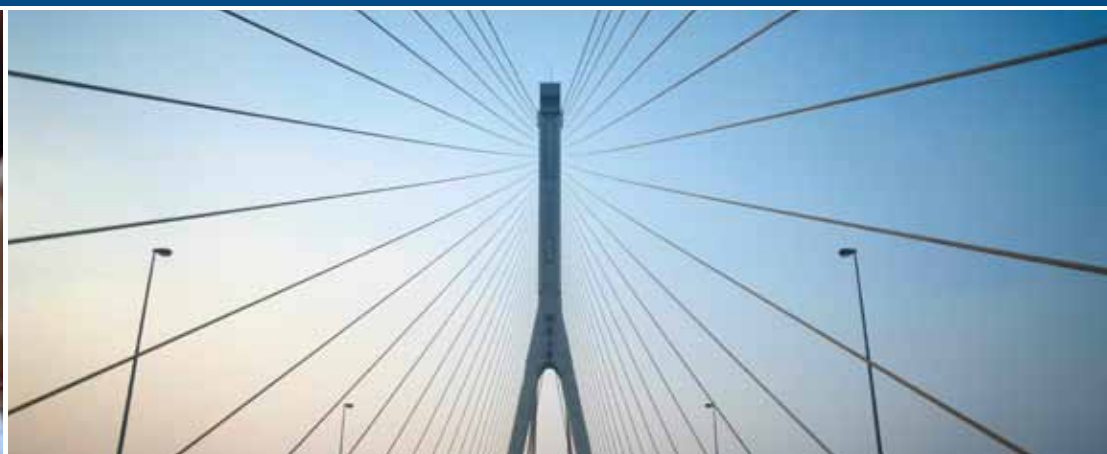
Năm 2012 được xác định là điểm rơi khó khăn chung của nền kinh tế, cũng là năm Việt Nam có nhiều cơ hội cho dấu hiệu bước đầu phục hồi kinh tế, nên hoạt động ngân hàng có cả những diễn biến phức tạp, thách thức và cơ hội kinh doanh nếu biết nhìn xa, trông rộng và xử lý tình huống nhanh nhạy “đi trước, đón đầu”.

Năm 2012, LienVietPostBank xác định:

- Sổ sách lành mạnh để minh bạch
- Có nhiều dịch vụ mới, mạng lưới mới, chất lượng để phục vụ bán lẻ, có nhiều nguồn vốn để kinh doanh tạo lợi nhuận
- Có nhân sự mạnh để hệ thống mạnh...

3. Giải pháp:

- Khắc phục những cái “chưa được” của năm trước, xử lý dứt điểm những tồn tại nghiệp vụ để tập trung sức phát triển.
- Lãi suất huy động và cho vay sẽ hạ dần trong năm 2012, nên phải tập trung thu hút mạnh nguồn vốn và chi phí đầu vào hợp lý, đồng thời mở rộng đầu ra tín dụng, dịch vụ có hiệu quả.
- Tăng cường củng cố nguồn lực con người, với phương châm: “tất cả từ con người, tất cả vì con người”, tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, gắn kết, hiệu quả công việc cao.
Lưu ý các hoạt động:
- Tuyển dụng
- Đào tạo, đào tạo lại
- Đánh giá nhân sự
- Chế độ đãi ngộ
- Phát huy tính kỷ cương, sáng tạo, nhân bản
- Nâng cao chất lượng quản trị, điều hành thông qua việc tăng cường năng lực quản trị điều hành, hiệu lực chấp hành; sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định về từng mảng nghiệp vụ và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp; tăng cường quản trị rủi ro; nâng cao chất lượng xử lý tình huống nghiệp vụ nhanh nhạy.
- Hiện đại hóa hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là nối mạng hoạt động mạng lưới tiết kiệm bưu điện tương thích với hệ thống corebanking. Hiện đại hóa mọi hoạt động theo phương châm “tập trung hóa, số hóa, văn bản hóa, định dạng vi tính hóa, kịch bản hóa, cụ thể hóa công việc... theo hướng đổi mới, hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa, minh bạch hóa”.



Báo cáo Tài chính tóm tắt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Ngân hàng số 91/GP-NHNN ngày 28 tháng 3 năm 2008
Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp
và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị	
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hưởng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Việt Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cử	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 29/7/2011)
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên (từ ngày 29/7/2011)
Ông Trần Văn Tinh	Thành viên (đến ngày 29/7/2011)
Bà Võ Thị Kim Hoàng	Thành viên (đến ngày 29/7/2011)
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên (đến ngày 29/7/2011)
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Chánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Sỹ Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Anh Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Gấm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2011)
Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/4/2011)
Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 23/9/2011)
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 18/5/2011)

Trụ sở đăng ký:
32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Công ty kiểm toán:
Công ty TNHH KPMG Việt Nam

**KPMG Limited**

16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84.4.3946 1600
Fax: +84.4. 3946 1601
Internet: www.kpmg.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi các Cổ đông**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("Ngân hàng") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm được trích lập. Trong báo cáo kiểm toán của chúng tôi phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2012, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm là nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, báo cáo tài chính tóm tắt này phải được đọc trong mối liên hệ với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-052/A

**Nguyễn Thùy Dương**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng Giám Đốc
Hà Nội, ngày

26 -03- 2012

Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of KPMG network of independent firm affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity. All rights reserved.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt tại quỹ	4	164.049	88.943
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.390.298	400.319
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	19.838.675	5.542.829
1	Tiền gửi		19.838.675	5.264.830
2	Tiền cho vay		-	280.100
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	(2.101)
IV	Chứng khoán kinh doanh		1	1
1	Chứng khoán kinh doanh		1	1
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		38.840	-
VI	Cho vay khách hàng		12.639.981	9.755.415
1	Cho vay khách hàng	7	12.757.139	9.833.703
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(117.158)	(78.288)
VII	Chứng khoán đầu tư	9	16.819.516	15.971.148
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		16.819.516	15.971.148
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	24.731	24.731
4	Đầu tư dài hạn khác		24.731	24.731
IX	Tài sản cố định		601.242	355.924
1	Tài sản cố định hữu hình	11	323.148	200.807
a	Nguyên giá		427.899	242.364
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(104.751)	(41.557)
3	Tài sản cố định vô hình	12	278.094	155.117
a	Nguyên giá		298.427	165.253
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.333)	(10.136)
XI	Tài sản có khác	13	4.615.003	2.845.412
1	Các khoản phải thu		2.918.912	2.441.323
2	Các khoản lãi, phí phải thu		866.202	360.266
4	Tài sản có khác		829.889	43.823
	Trong đó: Lợi thế thương mại		738.929	-
	TỔNG TÀI SẢN		56.132.336	34.984.722

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14	1.000.000	2.601.385
II	Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	15	20.485.120	12.381.256
1	Tiền gửi		16.942.320	10.488.056
2	Tiền vay		3.542.800	1.893.200
III	Tiền gửi của khách hàng	16	25.657.567	12.314.125
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ Tài chính khác		-	23.165
V	Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư		-	40.000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	17	1.004.813	3.084.578
VII	Các khoản nợ khác	18	1.390.835	435.561
1	Các khoản lãi, phí phải trả		582.087	334.247
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		798.298	94.070
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		10.450	7.244
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		49.538.335	30.880.070
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	19	6.594.001	4.104.652
1	Vốn cổ phần		6.073.331	3.713.331
a	Vốn điều lệ		6.010.000	3.650.000
b	Thặng dư vốn cổ phần		63.331	-
g	Vốn khác		-	63.331
2	Các quỹ		387.111	245.442
5	Lợi nhuận chưa phân phối		133.559	145.879
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.132.336	34.984.722

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN			
1	Bảo lãnh		532.026	674.257
2	Thư tín dụng		909.655	208.482
II	CAM KẾT KHÁC			
1	Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ		3.816.585	949.919
2	Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		13.147	4.950

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng



Ông Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	5.193.132	2.489.081
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	20	(3.135.463)	(1.264.774)
I	Thu nhập lãi thuần	20	2.057.669	1.224.307
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	21	39.314	43.381
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	21	(79.763)	(10.646)
II	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	21	(40.449)	32.735
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	22	103.318	49.513
IV	Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	(222)
V	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	23	(23.155)	17.239
5	Thu nhập từ hoạt động khác		43.458	4.391
6	Chi phí hoạt động khác		(39.827)	(447)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		3.631	3.944
VIII	Chi phí hoạt động	24	(939.539)	(511.106)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.161.475	816.410
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	25	(75.194)	(57.510)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.086.281	758.900
7	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	26	(109.253)	(76.000)
XII	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26	(109.253)	(76.000)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		977.028	682.900
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27	1.776	1.871
XVI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã pha loãng(VND/cổ phiếu)	27	1.679	1.510

Người duyệt:





Bà Nguyễn Thị Gấm
 Kế toán trưởng

Ông Lê Hồng Phong
 Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.069.051	2.290.745
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.035.861)	(1.014.791)
03	Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ nhận được		(40.449)	32.735
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán		80.163	66.530
05	(Chi phí)/thu nhập khác		(26.621)	334
07	Tiền chi trả chi nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(732.920)	(482.180)
08	Thuế thu nhập thực nộp trong năm		(92.183)	(59.360)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		1.221.180	834.013
	Thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(1.826.333)	(1.323.556)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh		(824.339)	(10.182.075)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác		(38.840)	-
12	Các khoản cho vay khách hàng		(2.923.436)	(4.410.449)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp các tổn thất các khoản cho vay khách hàng		(4.967)	-
14	Tài sản hoạt động khác		20.577	(795.018)
	Thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam		(1.601.385)	1.325.704
16	Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác		8.103.864	8.572.776
17	Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư		(40.000)	5.000
18	Tiền gửi của khách hàng		6.787.435	5.011.648
19	Phát hành giấy tờ có giá		(79.765)	2.107.092
20	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(23.165)	23.165
21	Công nợ hoạt động khác		556.136	85.230
22	Chi từ các quỹ		(33.568)	(30.029)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		9.293.394	1.223.501
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định		(284.715)	(225.198)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		236	502
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(18.401)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(284.479)	(243.097)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

		Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông		(811.300)	(438.000)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		(811.300)	(438.000)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		8.197.615	542.404
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM		4.075.636	3.533.232
VI	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	28	12.273.251	4.075.636
	CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành vốn cổ phần		2.000.000	-
	Các khoản thanh toán phi tiền tệ để mua hoạt động kinh doanh		360.000	-

Người duyệt:




Bà **Nguyễn Thị Gấm**
Kế toán trưởng

Ông **Lê Hồng Phong**
Tổng Giám đốc

26 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo Tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt (“Ngân hàng”), một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là cung cấp các dịch vụ ngân hàng theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 91/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 28 tháng 3 năm 2008 với thời hạn hoạt động là 99 năm.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 32 Nguyễn Công Trứ, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 1 Sở giao dịch, 27 Chi nhánh và 32 Phòng giao dịch trên cả nước.

Theo Công văn 244/TTg-DMDN ngày 21 tháng 2 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt việc Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam “VNPT” tham gia góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt bằng giá trị của Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (“VPSC”) và vốn góp thêm bằng tiền. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2011, VNPT đã hoàn thành việc chuyển giao giá trị tài sản và công nợ của VPSC cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhận được phê duyệt của NHNNVN chính thức đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt vào ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có 1.972 nhân viên (31/12/2010: 1.393 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được làm tròn đến hàng triệu, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp. Ngân hàng đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong những năm trước.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm và đánh giá lại cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(e) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Tiền;
- Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản cho vay và ứng trước;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Các khoản góp vốn và đầu tư dài hạn;
- Các tài sản phái sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng;
- Các tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(i) Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Ngân hàng tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Ngân hàng ghi nhận Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Dừng ghi nhận

Ngân hàng dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính bị chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

(g) Các khoản đầu tư chứng khoán

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua và nắm giữ trong vòng 1 năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sách sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể tồn tại khi Ngân hàng nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết trong doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trong các báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sách và giá thị trường. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(h) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Theo Thông tư 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ("BTC") ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006, các tổ chức tín dụng cần lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư dài hạn (bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư) theo các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) phải được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh trước khi đầu tư).

(i) Các khoản cho vay và ứng trước

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005, được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của NHNNVN, dự phòng cụ thể cần được lập hàng quý cho các khoản cho vay và ứng trước dựa trên nhóm nợ của các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể các khoản cho vay và ứng trước tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12 năm 2011) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Nhóm		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Khoản vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.	0%
2	Nợ cần chú ý	- Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	- Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc - Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.	20%
4	Nợ nghi ngờ	- Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	- Quá hạn trên 360 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc - Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý.	100%

Ngoài ra, Ngân hàng cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010).

Cũng theo Quyết định này, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(j) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN, Ngân hàng được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng.

Ngoài ra, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0,75% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010).

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| • nhà cửa và chi phí cải tạo | 25 năm |
| • thiết bị văn phòng | 4 - 7 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 10 năm |
| • các tài sản hữu hình khác | 3 - 5 năm |

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(m) Chi phí chờ phân bổ

Các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 10 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Ngân hàng trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng tại ngày có hiệu lực của hợp đồng và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối năm. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận trong tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm cuối năm.

(p) Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Trên ba (03) năm	100%

(q) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(r) Lợi ích của cán bộ công nhân viên

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Ngân hàng.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(t) Các quỹ và dự trữ

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ sau:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phân chia.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(u) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 2(i) được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được thiết lập.

Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu, cổ tức nhận được bởi Ngân hàng dưới dạng cổ phiếu được chia từ lợi nhuận để lại được ghi nhận tăng giá trị của khoản đầu tư và ghi vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(v) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(w) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(x) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán

dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(y) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi trên cổ phiếu pha loãng được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi.

(z) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(aa) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa vào ngày kết thúc niên độ kế toán tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(bb) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chứng khoán kinh doanh và tài sản tài chính phái sinh. Tài sản tài chính do Ngân hàng nắm giữ được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Có bằng chứng về việc kinh doanh chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính. Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán của Ngân hàng.

(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Ngân hàng thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ như trong thuyết minh số 32.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường sẵn có thông tin, Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường sẵn có thông tin nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Bằng chứng tốt nhất về giá trị hợp lý của một công cụ tài chính khi ghi nhận ban đầu là giá giao dịch, tức là giá trị hợp lý của khoản tiền đã trả hoặc đã nhận, trừ khi giá trị hợp lý của công cụ đó được chứng minh bằng cách so sánh với các giao dịch hiện thời có thể thu thập được trên thị trường đối với cùng một công cụ (tức là

không điều chỉnh hoặc cơ cấu lại) hoặc dựa vào một kỹ thuật đánh giá mà các biến số chỉ bao gồm các số liệu thị trường có thể thu thập được. Khi giá giao dịch đưa ra bằng chứng tốt nhất về giá trị hợp lý được ghi nhận ban đầu, thì công cụ tài chính đó được hạch toán ban đầu theo giá giao dịch và bất kỳ chênh lệch nào giữa mức giá này và giá trị có được từ một mô hình định giá sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo một cơ sở thích hợp trong suốt thời hạn của công cụ đó nhưng không được sau thời điểm mà việc đánh giá được hỗ trợ hoàn toàn bởi các số liệu thị trường có thể thu thập được hoặc thời điểm giao dịch kết thúc.

Nếu không tồn tại một thị trường sẵn có thông tin cho các công cụ tài chính, Ngân hàng xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá bao gồm việc sử dụng các giao dịch trên cơ sở ngang giá diễn ra gần thời điểm đánh giá giữa các bên có hiểu biết và sẵn lòng thực hiện (nếu có), có tham khảo giá trị hợp lý hiện thời của các công cụ khác tương đương, và việc chiết khấu dòng tiền. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa các điều kiện thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Ngân hàng càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để định giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật định giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và đo lường yếu tố rủi ro – lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính. Ngân hàng thẩm định và kiểm tra độ tin cậy của các kỹ thuật định giá bằng cách tham chiếu các mức giá giao dịch hiện thời có thể thu thập được của các công cụ tương tự hoặc dựa vào các dữ liệu thị trường có thể thu thập được khác.

Khi sử dụng các kỹ thuật định giá, nếu giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thông tin thị trường và phụ thuộc vào một tập hợp nhiều ước tính nhưng không thể xác định được một cách hợp lý xác suất của các ước tính này thì trong trường hợp đó, giá trị hợp lý của công cụ tài chính được xem là ước tính không đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

3. Hợp nhất kinh doanh

Theo Công văn 244/TTg-DMDN ngày 21 tháng 2 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt việc Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam “VNPT” tham gia góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt bằng giá trị của Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (“VPSC”) và vốn góp thêm bằng tiền. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2011, tất cả tài sản và công nợ đã được chuyển giao từ VPSC sang Ngân hàng theo giá trị hợp lý tại ngày chuyển giao. Các điều khoản và điều kiện đi cùng các tài sản và công nợ không thay đổi.

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ các lợi ích kinh tế phát sinh từ hệ thống mạng lưới dịch vụ tiết kiệm bưu điện hiện tại của VPSC và dòng tiền tương lai từ mạng lưới này.

4. Tiền mặt tại quỹ

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	121.623	56.251
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	42.426	32.692
	164.049	88.943

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn 8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng; 6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên; 0,6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn dưới 12 tháng; và 0,2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên, được sử dụng làm cơ sở để tính dự quỹ dự trữ bắt buộc.

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	1.390.298	400.319

6. Tiền gửi và tiền cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	605.041	797.878
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.047.660	1.222.455
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	16.124.716	2.420.955
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.061.258	823.542
Các khoản cho vay		
Các khoản cho vay các tổ chức tín dụng bằng VND	-	280.100
	19.838.675	5.544.930
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng (i)	-	(2.101)
	19.838.675	5.542.829

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng như sau:

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.101	2.800
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.101)	(699)
Số dư cuối năm	-	2.101

7. Các khoản cho vay khách hàng

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Các khoản cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	11.734.846	9.785.317
Chiết khấu hối phiếu	1.022.293	48.386
	12.757.139	9.833.703
Phân tích chất lượng nợ cho vay theo nhóm nợ như sau:		
Nợ đủ tiêu chuẩn	12.233.993	9.736.075
Nợ cần chú ý	250.603	56.552
Nợ dưới tiêu chuẩn	159.589	32.240
Nợ nghi ngờ	108.472	7.010
Nợ có khả năng mất vốn	4.482	1.826
	12.757.139	9.833.703
Phân tích dư nợ cho vay theo thời hạn như sau:		
Ngắn hạn	10.407.651	7.976.500
Trung hạn	1.838.396	1.490.756
Dài hạn	511.092	366.447
	12.757.139	9.833.703
Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế như sau:		
Nông nghiệp và lâm nghiệp	298.585	147.423
Thương mại, sản xuất và chế biến	3.184.464	2.421.979
Xây dựng	1.233.576	849.388
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	61.931	314.073
Cá nhân và các ngành nghề khác	7.978.583	6.100.840
	12.757.13	9.833.703
Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:		
Doanh nghiệp nhà nước	465.498	613.464
Công ty trách nhiệm hữu hạn	3.763.886	2.056.983
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.806	3.008
Công ty cổ phần	5.301.269	4.496.678
Cá nhân và các đối tượng khách hàng khác	3.221.680	2.663.570
	12.757.139	9.833.703

8. Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:		
Dự phòng chung	82.655	71.184
Dự phòng cụ thể	34.503	7.104
	117.158	78.288
Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:		
Số dư đầu năm	71.184	28.054
Dự phòng trích lập trong năm	34.436	44.866
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.870)	(1.736)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(95)	-
Số dư cuối năm	82.655	71.184
Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:		
Số dư đầu năm	7.104	765
Trích lập dự phòng trong năm	33.228	6.403
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(957)	(64)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(4.872)	-
Số dư cuối năm	34.503	7.104

9. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	1.036.900	1.419.612
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài phát hành	7.615.348	7.637.265
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	8.167.268	6.914.271
	16.819.516	15.971.148

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng thế chấp chứng khoán trị giá 673.000 triệu VND theo mệnh giá (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.545 triệu VND) tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chứng khoán trị giá 5.152.924 triệu VND theo mệnh giá (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 600.000 triệu VND) tại các tổ chức tín dụng khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thuyết minh 15) và các khoản vay từ các tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh 16).

10. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Tổng vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư	Mệnh giá của các khoản đầu tư		Giá gốc của các khoản đầu tư
		Triệu VND	Tỷ lệ nắm giữ	
Công ty Chứng khoán Liên Việt	125.000	13.750	11%	15.931
Công ty Cổ phần Phát Triển Xín Mần (i)	20.000	8.800	44%	8.800
	145.000	22.550		24.731

- (i) Ngân hàng sở hữu hơn 11% vốn góp của Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần. Tuy nhiên, Ngân hàng đã nhận được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về mức góp vốn dưới hình thức khoản đầu tư thương mại thông thường vượt mức quy định hiện hành theo Công văn 2493/TTg-ĐMDN ngày 15 tháng 12 năm 2009. Mục tiêu hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần là cho các hoạt động từ thiện ở Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	39.483	61.440	129.814	11.627	242.364
Mua trong năm	24.313	43.843	78.719	12.417	159.292
Chuyển từ VPSC	-	16.558	11.436	177	28.171
Thanh lý	-	(1.169)	(454)	(305)	(1.928)
Số dư cuối năm	63.796	120.672	219.515	23.916	427.899
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.945	16.122	17.288	4.202	41.557
Khấu hao trong năm	2.362	17.927	20.349	3.068	43.706
Chuyển từ VPSC	-	14.452	6.567	161	21.180
Thanh lý	-	(1.093)	(369)	(230)	(1.692)
Số dư cuối năm	6.307	47.408	43.835	7.201	104.751
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	35.538	45.318	112.526	7.425	200.807
Số dư cuối năm	57.489	73.264	175.680	16.715	323.148

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính Triệu VND	Quyền sử dụng đất vô thời hạn Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	29.369	135.884	165.253
Mua trong năm	2.607	122.816	125.423
Chuyển từ VPSC	7.864	-	7.864
Thanh lý	(113)	-	(113)
Số dư cuối năm	39.727	258.700	298.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.136	-	10.136
Khấu hao trong năm	3.810	212	4.022
Chuyển từ VPSC	6.288	-	6.288
Thanh lý	(113)	-	(113)
Số dư cuối năm	20.121	212	20.333
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.233	135.884	155.117
Số dư cuối năm	19.606	258.488	278.094

13. Tài sản có khác

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
1. Các khoản phải thu	2.918.912	2.441.323
<i>Tạm ứng cho Ngân sách Nhà nước</i>	5.163	3.594
<i>Tạm ứng mua tài sản cố định</i>	2.088.446	1.355.565
<i>Tạm ứng cho hoạt động xây dựng phục vụ mục đích từ thiện</i>	125.926	123.434
<i>Tạm ứng mua chứng khoán</i>	50.001	890.577
<i>Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn</i>	490.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	159.376	68.153
2. Lãi dự thu và phải thu từ phí	866.202	360.266
3. Tài sản có khác	829.889	43.823
<i>Chi phí chờ phân bổ</i>	84.621	39.886
<i>Lợi thế thương mại</i>	738.929	-
<i>Tài sản có khác</i>	6.339	3.937
	4.615.003	2.845.412

14. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Vay theo hồ sơ tín dụng	500.000	1.300.000
Vay chiết khấu, tái chiết khấu và cầm cố các giấy tờ có giá	500.000	1.301.385
	1.000.000	2.601.385

15. Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2.297.681	761.597
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	417.964	1.079.377
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8.487.193	3.550.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.739.482	5.097.082
	16.942.320	10.488.056
Tiền vay		
Tiền vay bằng ngoại tệ	3.542.800	1.893.200
	20.485.120	12.381.256

16. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	3.276.422	3.383.314
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	880.800	321.861
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	19.726.212	7.417.937
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.341.306	944.683
Tiền gửi ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ VND	104.723	26.674
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	327.710	11.680
Tiền gửi cho mục đích đặc biệt		
Tiền gửi cho mục đích đặc biệt bằng VND	394	207.976
	25.657.567	12.314.125

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:		
Các tổ chức kinh tế	16.033.473	10.648.171
Cá nhân	9.624.094	1.665.954
	25.657.567	12.314.125

17. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	1.004.813	1.084.578
Trái phiếu chuyển đổi	-	2.000.000
	1.004.813	3.084.578

18. Các khoản nợ khác

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
1. Lãi dự chi và phí phải trả	582.087	334.247
2. Các khoản phải trả và công nợ khác	798.298	94.070
<i>Phải trả cán bộ, công nhân viên</i>	120.000	28.002
<i>Dự phòng trợ cấp thôi việc</i>	346	346
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	4.551	1.740
<i>Nghĩa vụ thuế phải nộp (i)</i>	39.785	19.097
<i>Các khoản phải trả khác (ii)</i>	633.616	44.885
3. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (iii)	10.450	7.244
	1.390.835	435.561

(i) Nghĩa vụ thuế phải nộp

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	284	147
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.710	16.640
Các loại thuế khác	5.791	2.310
	39.785	19.097

(ii) Bao gồm trong khoản này có số tiền trị giá 450.000 triệu VND là vốn góp bằng tiền từ VNPT cho mục đích tăng vốn điều lệ. Ngân hàng sẽ chuyển khoản tạm ứng này sang vốn điều lệ sau khi các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn tất.

(iii) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Số dư đầu năm	7.244	1.561
Trích lập dự phòng trong năm	7.530	6.241
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.324)	(558)
Số dư cuối năm	10.450	7.244

19. Vốn và các quỹ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Nguồn vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư và phát triển	Tổng quỹ dự trữ	Lợi nhuận giữ lại	Tổng
Triệu VND									
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	3.650.000	-	-	93.446	49.182	3.793	146.421	29.245	3.825.666
Phát hành vốn cổ phần	-	-	63.331	-	-	-	-	-	63.331
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	682.900	682.900
Trích lập các quỹ	-	-	-	64.876	34.145	-	99.021	(99.021)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(29.245)	(29.245)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(438.000)	(438.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.650.000	-	63.331	158.322	83.327	3.793	245.442	145.879	4.104.652
Phát hành vốn cổ phần	2.360.000	-	-	-	-	-	-	-	2.360.000
Chuyển từ nguồn vốn khác sang thặng dư vốn cổ phần	-	63.331	(63.331)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	977.028	977.028
Trích lập các quỹ	-	-	-	92.818	48.851	-	141.669	(141.669)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(36.379)	(36.379)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(811.300)	(811.300)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6.010.000	63.331	-	251.140	132.178	3.793	387.111	133.559	6.594.001

Vốn cổ phần

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	601.000.000	6.010.000	365.000.000	3.650.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	601.000.000	6.010.000	365.000.000	3.650.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	601.000.000	6.010.000	365.000.000	3.650.000

Mệnh giá của cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Cổ tức

Vào các ngày 22 tháng 1 năm 2011, ngày 21 tháng 3 năm 2011, ngày 13 tháng 6 năm 2011 và ngày 22 tháng 9 năm 2011, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã quyết định chi trả khoản cổ tức lần lượt là 109,5 tỷ VND, 182,5 tỷ VND, 339 tỷ VND, và 180,3 tỷ VND, tương đương với 300 VND, 500 VND, 600 VND và 300 VND trên mỗi cổ phiếu phổ thông.

20. Thu nhập lãi thuần

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.193.132	2.489.081
Từ tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	1.183.648	462.413
Từ cho vay cho khách hàng	1.877.654	987.070
Từ đầu tư vào chứng khoán nợ	2.131.830	1.039.598
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(3.135.463)	(1.264.774)
Từ các khoản tiền gửi của khách hàng	(1.987.897)	(632.225)
Từ các khoản vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	(1.063.781)	(438.425)
Từ phát hành giấy tờ có giá	(83.785)	(194.124)
Thu nhập lãi thuần	2.057.669	1.224.307

21. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	39.314	43.381
Dịch vụ bảo lãnh	16.264	13.970
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	12.979	12.541
Dịch vụ ủy thác và tư vấn	2.957	6.687
Dịch vụ khác	7.114	10.183
Chi phí hoạt động dịch vụ	(79.763)	(10.646)
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(8.232)	(5.047)
Dịch vụ khác	(71.531)	(5.599)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	(40.449)	32.735

22. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	190.030	79.445
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(89.712)	(29.932)
	103.318	49.513

23. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(23.155)	17.239

24. Chi phí hoạt động

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Lương và các chi phí liên quan	362.712	167.152
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	23.814	29.218
Chi phí thuê văn phòng	111.935	72.404
Khấu hao tài sản cố định	47.728	28.373
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 14 (iv))	38.891	-
Thuế, lệ phí và phí	31.948	24.905
Chi phí dụng cụ và thiết bị	3.660	2.394
Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông	3.531	2.523
Các chi phí hoạt động khác	315.320	184.137
	939.539	511.106

25. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng	8	67.664	51.269
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	18 (iii)	7.530	6.241
		75.194	57.510

26. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

		2011 Triệu VND		2010 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		1.086.281		758.900
Thuế theo thuế suất được áp dụng	20%	217.256	20%	151.780
Ảnh hưởng của việc được miễn, giảm thuế	(10%)	(108.628)	(10%)	(75.890)
Chi phí không được khấu trừ		625		110
Tổng cộng		109.253		76.000

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Công văn số 379/CT-TT&HT ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Cục Thuế Tỉnh Hậu Giang, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Ngân hàng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Từ năm hoạt động thứ 11, Ngân hàng phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất quy định tại thời điểm đó.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận sau thuế

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế	977.028	682.900
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.300)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	946.728	682.900

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	365.000.000	365.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành trong năm	168.186.301	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	533.186.301	365.000.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2011 VND	2010 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.776	1.871

(b) Lãi trên cổ phiếu pha loãng

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế (pha loãng)

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế phân phối cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	946.728	682.900
Chi phí lãi trên trái phiếu chuyển đổi sau thuế	31.059	94.941
Lợi nhuận thuần sau thuế phân phối cho cổ đông phổ thông (pha loãng)	977.787	777.841

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (pha loãng)

	2011	2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	533.186.301	365.000.000
Hiệu ứng của trái phiếu chuyển đổi	49.315.068	150.136.986
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (pha loãng)	582.501.370	515.136.986

(iii) Lãi trên cổ phiếu pha loãng

	2011 VND	2010 VND
Lãi trên cổ phiếu pha loãng	1.679	1.510

28. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	164.049	88.943
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.390.298	400.319
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	10.718.904	3.586.374
	12.273.251	4.075.636

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền có tiền và các khoản tương đương tiền bằng các ngoại tệ khác VND trị giá tương đương 1.970.494 triệu VND (31 tháng 12 năm 2010: 1.857.752 triệu VND).

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Ngân hàng đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Ngân hàng, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Ngân hàng trong năm. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Ngân hàng phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm và tại thời điểm cuối năm như sau:

Số dư	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng		
Công ty Cổ phần Him Lam	71.363	55.340
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng		
Công ty Cổ phần Him Lam	1.214	-
Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	480.000	-
Phát hành giấy tờ có giá		
Công ty cổ phần Him Lam	-	2.500
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Him Lam	-	150.000
Tạm ứng xây dựng công trình		
Công ty Cổ phần Him Lam	1.961.359	1.311.359
Trái phiếu doanh nghiệp		
Công ty Cổ phần Him Lam	250.000	-

Giao dịch	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Chi phí lãi		
Công ty Cổ phần Him Lam	1.531	177
Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	707	-
Thu nhập lãi		
Công ty Cổ phần Him Lam	27.281	119.459

30. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tổng số cán bộ, công nhân viên	1.972	1.393
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương cơ bản	123.324	50.201
2. Các khoản phụ cấp	219.298	107.289
4. Tổng (1+2)	342.622	157.490
5. Tiền lương bình quân tháng	5,21	3,00
6. Thu nhập bình quân tháng	14,48	9,42

31. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số dư tại 1/1/2011 Triệu VNĐ	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2011 Triệu VNĐ
		Số phải nộp Triệu VNĐ	Số đã nộp Triệu VNĐ	
Thuế giá trị gia tăng	147	6.563	(6.426)	284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.640	109.253	(92.183)	33.710
Các loại thuế khác	2.310	73.797	(70.316)	5.791
	19.097	189.613	(168.925)	39.785

32. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo

Ngân hàng không nắm giữ tài sản thế chấp mà ngân hàng được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu Ngân hàng thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý ghi nhận vào kết quả kinh doanh Triệu VNĐ	Giữ tới ngày đáo hạn Triệu VNĐ	Cho vay và phải thu Triệu VNĐ	Sẵn sàng để bán Triệu VNĐ	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VNĐ	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tài sản tài chính	1.593.188	-	32.595.814	16.819.516	1.292.464	52.300.982	
Tiền mặt tại quỹ	164.049	-	-	-	-	164.049	164.049
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.390.298	-	-	-	-	1.390.298	1.390.298
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	19.838.675	-	-	19.838.675	20.240.213
Chứng khoán kinh doanh	1	-	-	-	-	1	1
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	38.840	-	-	-	-	38.840	*
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	12.757.139	-	-	12.757.139	*
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	16.819.516	-	16.819.516	*
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	1.292.464	1.292.464	*
Nguồn phải trả tài chính	-	-	-	-	48.684.395	48.684.395	
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	21.485.120	21.485.120	21.536.089
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	25.657.567	25.657.567	26.165.936
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.004.813	1.004.813	1.007.079
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	536.895	536.895	*

* Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xác định bằng các kỹ thuật đánh giá, tuy nhiên kết quả phụ thuộc vào một tập hợp nhiều ước tính mà các ước tính này không thể xác định được một cách hợp lý. Do đó, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không được thuyết minh.

(c) Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Ngân hàng. HĐQT Ngân hàng đã thành lập Ban kiểm toán và rủi ro (ARCO), ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng lĩnh vực quản lý của họ. Toàn bộ các Ban thuộc HĐQT đều có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình.

Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng Kiểm toán và Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện các cuộc soát xét định kỳ và đột xuất đối với các hệ thống và thủ tục kiểm soát quản lý rủi ro và báo cáo kết quả soát xét lên HĐQT.

(i) Rủi ro tín dụng

Ngân hàng luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Ngân hàng tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên Quyết định 493 và Quyết định 18 (Thuyết minh 2(i)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu thể hiện trung thực nhất mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Không giảm giá Triệu VND	Giảm giá Triệu VND	Tổng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	19.838.675	-	19.838.675
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	19.838.675	-	19.838.675
Cho vay khách hàng – gộp	12.366.480	390.659	12.757.139
Chứng khoán đầu tư – gộp	16.819.516	-	16.819.516
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	16.819.516	-	16.819.516
Các tài sản tài chính khác	1.292.464	-	1.292.464
	50.317.135	390.659	50.707.794

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo Ngân hàng nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Bất động sản	22.221.853	17.299.279
Động sản	5.778.606	4.610.143
Giấy tờ có giá	2.722.281	3.073.370
Các tài sản đảm bảo khác	5.281.211	4.063.888
	36.003.951	29.046.680

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VND và USD dao động nhiều. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài VND và USD. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Triệu VND)	VND	USD	Loại tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản	42.886.256	13.219.193	105.205	56.210.654
Tiền mặt tại quỹ	121.623	41.019	1.407	164.049
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.300.584	89.714	-	1.390.298
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	16.729.757	3.006.079	102.839	19.838.675
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1	-	-	1
Cho vay khách hàng - gộp	10.230.472	2.525.904	763	12.757.139
Chứng khoán đầu tư - gộp	9.304.168	7.515.348	-	16.819.516
Góp vốn đầu tư dài hạn	24.731	-	-	24.731
Tài sản cố định	601.242	-	-	601.242
Tài sản có khác	4.573.678	41.129	196	4.615.003
Nợ phải trả	37.205.998	12.144.448	187.889	49.538.335
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.000.000	-	-	1.000.000
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	10.784.874	9.617.649	82.597	20.485.120
Tiền gửi của khách hàng	23.107.751	2.445.374	104.442	25.657.567
Phát hành giấy tờ có giá	1.003.365	1.448	-	1.004.813
Các khoản nợ khác	1.310.008	79.977	850	1.390.835
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	6.533.616	166.931	10.612	6.711.159
Trạng thái tiền tệ nội bảng	5.680.258	1.074.745	(82.684)	6.672.319
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	853.358	(907.814)	93.296	38.840

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Triệu VND)	VND	USD	Loại tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản	25.497.062	9.556.287	11.762	35.065.111
Tiền mặt tại quỹ	56.251	31.982	710	88.943
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	399.244	1.075	-	400.319
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	3.498.933	2.037.198	8.799	5.544.930
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1	-	-	1
Cho vay khách hàng - gộp	9.209.061	624.642	-	9.833.703
Chứng khoán đầu tư - gộp	9.133.883	6.837.265	-	15.971.148
Góp vốn đầu tư dài hạn	24.731	-	-	24.731
Tài sản cố định	355.924	-	-	355.924
Tài sản có khác	2.819.034	24.125	2.253	2.845.412
Nợ phải trả	21.207.968	9.589.525	59.412	30.856.905
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.601.385	-	-	2.601.385
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	4.311.597	8.064.149	5.510	12.381.256
Tiền gửi của khách hàng	11.035.901	1.225.779	52.445	12.314.125
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	40.000	-	-	40.000
Phát hành giấy tờ có giá	2.848.452	236.126	-	3.084.578
Các khoản nợ khác	370.633	63.471	1.457	435.561
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	3.877.439	302.614	4.988	4.185.041
Trạng thái tiền tệ nội bảng	4.289.094	(33.238)	(47.650)	4.208.206
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(411.655)	335.852	52.638	(23.165)

Phân tích mức độ nhạy cảm

Bảng dưới đây ước lượng mức độ nhạy cảm của vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và lãi hoặc lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng với những giả định rằng toàn bộ các biến số khác, đặc biệt là lãi suất là không đổi.

VND tăng giá 5% so với USD	VND giảm giá 5% so với USD
Triệu VND	
(51.178)	56.566

33. Các cam kết

(i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ngân hàng có những cam kết chi tiêu vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được hạch toán trên bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Được phê duyệt và kí hợp đồng	3.229.256	3.159.256

(ii) Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Dưới 1 năm	101.429	90.027
Từ 2 đến 5 năm	319.445	302.204
Trên 5 năm	109.665	105.113
Tổng cộng	530.539	497.344

34. Số liệu so sánh

Những dữ liệu so sánh dưới đây được phân loại lại nhằm làm cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính cho năm hiện tại:

	31/12/2011 (Phân loại lại) Triệu VND	31/12/2010 (Theo báo cáo năm trước) Triệu VND
Nợ phải trả khác	435.561	433.821
Các quỹ	245.442	247.182

Người duyệt:





Bà Nguyễn Thị Gấm
 Kế toán trưởng

Ông Lê Hồng Phong
 Tổng Giám đốc

26 -03- 2012



www.lienvietpostbank.com.vn



LienVietPostBank
NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

www.lienvietpostbank.com.vn